

# NHỮNG KHOẢNG TRỜI RIÊNG

## ĐỖ BÌNH

**B**ước vào cõi thơ là lắng nghe tiếng đời thổ thê, tiếng lòng thi nhân khát vọng. Tùy theo tâm cảnh, sắc màu trong mỗi tâm hồn nghệ sĩ sẽ khác với màu sắc ngoài thiên nhiên khi diễn tả cảm xúc, tư duy về đối tượng. Thi hào Nguyễn Du đã giải bày qua câu thơ Kiều:

*“Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu,  
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ!”*

Thơ giải bày niềm tin của người thiếu phụ trong thời ly loạn, tiền chồng ra sa trường rồi trở về với nỗi cô đơn phòng vắng qua tác phẩm *Chinh Phụ Ngâm* của Đặng Trần Côn và Đoàn Thị Điểm. Trong câu thơ thi nhân đã dùng ngôn ngữ hình tượng họa một bức tranh tuyệt tác:

*“..Ngoài trông theo đã cách gần  
Tuôn màu mây biếc trải gần núi xanh.”*

Không phải lúc nào thi nhân cũng làm thơ trữ tình êm ả, thổn thức lời dịu ngọt chuyện lứa đôi hạnh phúc hay đau khổ, nhưng đời mà thiếu tình như trái tim thiếu máu, tách thơ trữ tình ra khỏi thi nhân thì nhà thơ chỉ còn là cành khô, mặc dù làm một bài thơ tình hay, ý thơ đặc sắc rất khó!

*“Em về máy thế kỷ sau  
Nhìn trăng có thấy nguyên màu ấy không?”*  
(Bùi Giáng)

Trong khi đó thơ tâm linh là một loại thơ ẩn chứa ý tưởng huyền bí cao siêu, ngôn ngữ thơ chân phương nhưng sâu sắc. Về lãnh vực tâm linh, ngay cả những vị chức sắc, cao tuổi trong tôn giáo mà vẫn còn đang nghiên cứu học đạo; thì người làm

thơ làm sao diễn đạt được sự huyền bí cao siêu về tâm linh? Một khi chưa hiểu hay không hiểu được những kỳ bí trong con người và vũ trụ thì không thể cảm được lẽ đạo để biến thành nghệ thuật thi ca? Trừ phi nhà thơ là người chịu khó nghiên cứu đạo, uyên thâm tư tưởng, hoặc được thượng đế ban cho một cảm nhận đặc biệt như «Mở Huyệt Nhân» bên Phật Giáo, và «Mặc Khái Hồng Ân» bên Thiên Chúa Giáo.

Thời nào cũng thế người đi học thì nhiều nhưng kẻ sĩ thì hiếm! Nhất là khi đất nước có chiến tranh hay bị giặc ngoại xâm, chỉ có kẻ sĩ mới dám dấn thân và lên tiếng. Thơ quê hương đất nước luôn bàng bạc trong mỗi con người, tùy theo thời thế hoàn cảnh đã tác động sự rung cảm của thi nhân. Thi sĩ Tản Đà đã trải tấm lòng qua bài thơ đầy tình tự quê hương:

*“Nước non nặng một lời thề  
Nước đi đi mãi không về cùng non...”*

(Thề Non Nước)

Thơ nhập vào hồn thiêng sông núi, chuyển biến theo vòng thế sự, hòa với sự thăng trầm của dòng lịch sử dân tộc. Hồn thơ hùng hực như hỏa diệm sơn, cuộn cuộn thác lũ, ý thơ sắc bén như ngàn gươm đao, mạnh hơn vạn quân. Bài thơ là ngọn lửa kích động tinh thần yêu nước, là ý chí đấu tranh chống ngoại xâm. Xưa danh tướng Lý Thường Kiệt đã viết bài Nam Quốc Sơn hà như một bản tuyên ngôn độc lập của dân tộc:

*« Nam quốc sơn hà nam đế cư,  
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.  
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,  
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư. »*

Dòng lịch sử thế giới ghi lại, có một thời dẫu vó ngựa của đoàn quân Mông Cổ đã tung bụi mờ khắp muôn dặm, làm bạt vĩa trời Âu Á . Thế giặc thuở đó như sóng vỗ tiến vào nước ta, vua tôi nhà Trần một lòng giữ nước quyết chống ngoại xâm. Hưng Đạo Vương đã soạn ra một quyển *Binh Thư Yếu Lược*. Bài Hịch Tướng Sĩ, vua tôi nhà Trần đã cùng nhau một lòng đẩy lui được đoàn quân ngoại xâm.

Bài Bình Ngô Đại Cáo của thiên tài Nguyễn Trãi không những là khúc ca hùng tráng của dân tộc mà còn làm rạng rỡ nền văn học cổ điển nước nhà:

*“Tốt năng dĩ đại nghĩa, nhi thắng hung tàn,  
Dĩ chí nhân, nhi địch cường bạo.”  
(Đem đại nghĩa để thắng hung tàn,  
Lấy chí nhân mà thay cường bạo.)*

Ngày xưa tráng sĩ Đặng Dung đã giải bày tâm lòng trung liệt qua câu thơ đầy khí tiết:

*“Quốc thù vị báo đầu tiên bạch,  
Kỷ độ long tuyền đãi nguyệt ma.”  
(Thù chưa trả xong đầu đã bạc,  
Dưới trăng bao độ tuốt gươm mài.)*

Thi sĩ Nguyễn Bá Trạc mang nỗi sầu đất nước đã gói tâm sự mình qua bài Hồ Trường:

*“ ... Vỗ gươm mà hát  
Nghiêng bầu mà hỏi  
Thiên hạ mang mang ai người tri kỷ  
Lại đây cùng ta cạn một hồ trường. ...  
Nào ai tình nào ai say ?  
Chỉ ta ta biết, lòng ta, ta hay.... »*

Nhiều khi thi nhân bị người đời gán cho là những kẻ thương vay khóc mướn, điều ấy có quá khắt khe chăng? Nhà thơ nào phải là tượng đá! Hồn thơ sẽ xanh rêu chết yếu khi chẳng còn rung cảm trước những biến đổi buồn vui của ngoại cảnh, để

hòa với nhịp sống thiên nhiên nỗi đau của tha nhân, hay tự xoa dịu niềm đau của chính bản thân mình. Thi sĩ Vũ Hoàng Chương đã tả về đất nước và thân phận những con người trước sóng nước hải hùng của biển cả vào giai đoạn giữa thế kỷ 20 qua bài *Phương Xa* :

*«.. Lũ chúng ta, đầu thai nhằm thế kỷ  
Một đôi người u uất nổi trơ vơ,  
Đời kêu bạc không dung hồn giản dị  
Thuyền ơi thuyền! xin ghé bến hoang sơ...»*

Có nhiều khi thơ là tiếng uất nghẹn, lời than từ đáy ngục tù, nơi giam hãm những tâm hồn yêu tự do. Thơ là nơi trú ngụ của những tâm hồn đau khổ, là tiếng vọng vào đời ngân lên tiếng nói chân chính của con tim để giải oan cho những tâm hồn thanh cao bị bạo lực truy bức đến chỗ khôn cùng ! Nhờ có thơ thi nhân trong thân phận người tù đã nương vào con chữ tìm chỗ dựa để hồn chấp cánh bay cao thoát vực sâu đầy tối tăm ! Dù trong mọi hoàn cảnh, kể cả lúc nghiệt ngã nhất thơ và thi nhân vẫn là bạn đồng hành chia xẻ những buồn vui. Thơ như dòng suối mát giúp tâm hồn thi nhân vượt thoát những sâu muộn. Nhà thơ chân chính luôn có tâm hồn thanh cao độ lượng nên đã biết yêu thiên nhiên và đồng loại. Nhà thơ Hà Thượng Nhân dù ở trong cảnh ngộ tù đầy khôn cùng, vẫn hát tiếng hát tình người :

*« Chúng ta đói khổ cách nào  
Nắm tay chấp cái gian lao vẫn cười  
Mùa xuân cây cỏ xanh tươi  
Xác tù, lòng vẫn lòng người tự do.  
Chia nhau từng hạt bo bo  
Thương mình nghĩ lại thương cho kẻ thù  
Mình tù hay họ là tù ?... ”*

(Xuân Trong Tù)

Ngục tối có thể giam hãm xác thân người tù nhưng ngục tối không thể giam

hâm được tâm hồn, ý chí những người bất khuất. Từ những đau thương thi nhân đã diễn tả những xúc cảm đó thành những ngọn lửa hừng hực cháy trong lòng người tự do. Ngày nay thơ là bạn đồng hành với những người xa xứ. Thơ chia xẻ niềm đau, nỗi nhớ và sự cô đơn diễn tả tâm trạng kẻ xa quê, nhưng chôn phôi hoa đây vật chất đã dần làm khô héo đi tính lãng mạn, phải nặng nợ với tình thơ lắm thi nhân mới ôm cái nghiệp dĩ vào thân lắng hồn mình vào ngoại cảnh để thấy hoa cười trong nắng mai, sợi buồn giăng cỏ úa, và nghe cả tiếng thở dài của thời gian. Nhà thơ Phương Triều mang kiếp ly hương, thâm nỗi sầu viễn xứ ngẫm chuyện thế nhân và ngậm ngùi nhìn xuân trôi:

*“... Người qua từng vết hằn binh lửa  
 Đời cháy bùng theo vạt chiến bào  
 Nửa đêm ngựa hí buồn trong gió  
 Xuân rụng đều hiu giọt nắng đào !”*

Tâm trạng người tha hương nào nề. Hồn quê đã gắn chặt vào kẻ xa xứ nên không hình ảnh nào của quê người có thể thay thế được. Từ ngàn xưa cho đến nay dòng sông thi ca nhân loại vẫn trôi theo tháng ngày dù có lúc thẳng trâm, khi vinh quang thơ được mùa ngự trên đỉnh cao chói vót, nhà thơ được yêu quý ca ngợi, nhưng đến lúc suy thơ và thi nhân rơi xuống tận đáy vực sâu; người đời bỏ quên, ruồng rẫy! Ở Trung Hoa vào thời đại Tần Thủy Hoàng xa xưa, bạo chúa đã đốt sách, chôn sống văn nhân, ở Việt nam dưới chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa, nhà nước vì muốn kiểm soát chặt chẽ tư tưởng quần chúng nên cấm đoán những tác phẩm viết từ những trái tim chân chính, nhiều văn nghệ sĩ đã bị cấm viết, và tù đầy! Bách hại thế mà nhà thơ muôn đời vẫn nặng gánh tình thơ chẳng ai muốn

quăng bút cho nhẹ gánh. Phải chăng trên đời nếu không có nghệ sĩ thì ai cảm được sự màu nhiệm tuyệt vời của thiên nhiên mà phổ biến! Ai chia xẻ nỗi buồn của tha nhân?...vv.. Ở cõi nhân gian đầy hệ lụy này thì nhân đóng một vai trò tích cực trong cuộc sống; ngay cả khi đã qua đời những áng thơ văn tuyệt tác đó vẫn có thể giải buồn hoặc làm điểm tựa tinh thần nâng cao ý chí với những người đồng điệu hằng thế kỷ sau, và sự đồng cảm là sợi giây nối giữa người ngàn xưa với ngàn sau. Tâm hồn thi nhân rất phong phú, cảm xúc nhạy bén nên hòa nhịp niềm đau của tha nhân bằng nghệ thuật, vì thơ còn là nơi trú ngụ của những tâm hồn thanh cao. Nhà thơ đã cảm nghiệm bằng chất liệu sống để diễn tả cảnh đời với chút thực, chút hư thành những mảng màu sắc riêng biệt qua ngôn ngữ hình tượng của thơ. Nhà thơ đã từ cái thực của cuộc đời đi vào cái mộng của đam mê để cuộc đời thăng hoa. Chỉ có cảm xúc chân thật mới có thể diễn tả bằng nghệ thuật, ngược lại nghệ thuật khơi mở cảm xúc chân thật. Nhà thơ Phùng Quán đã dùng ngôn ngữ chân phương, không văn hoa chau chuốt để diễn tả cái tâm qua từng câu chữ, dựa trên thanh âm để tạo nhịp. Bài thơ chứa nhạc tính mang chất hùng ca, ý tưởng bài thơ sâu sắc, như một thông điệp cho đời về tính trung thực của con người với tha nhân không chịu khuất phục trước bạo lực. Bài thơ Lời Mạ Dặn đăng trong Nhân Văn Giai Phẩm, xin trích vài đoạn:

*«yêu ai cứ bảo là,yêu  
 Ghét ai cứ bảo là ghét  
 Dù ai ngon ngọt nuông chiều,  
 Cũng không nói yêu thành ghét.  
 Dù ai cầm dao dọa giết  
 cũng không nói ghét thành yêu..*

\*\*\*

*Tôi muốn làm nhà văn chân thật trọn đời  
Đường mật công danh không làm ngọt  
được lưỡi tôi  
Sét nổ trên đầu không xô tôi ngã.  
Bút giấy tôi, ai cướp giật đi  
Tôi sẽ viết văn trên đá. »*

(Lời Mẹ Dặn)

bài thơ này đã vượt thời gian thành một bài học, phương châm sống cho đời, hay ít ra cũng làm thước đo cho những kẻ cầm bút chân chính. Sau này, nhiều nhà văn trên thế giới dù bị bạo quyền áp bức vẫn dũng khí đồng đạc chống trả đòi tự do và quyền làm người mà không hề run sợ. Ngày nay thế giới đã lưu tâm hơn đối với người cầm bút, và quốc tế đã dành cho nhà văn những giải thưởng văn chương Nobel vinh dự. Ở những thế kỷ trước Nguyễn Du đã nói : «Chữ TÂM kia mới bằng ba, chữ TÀI.».

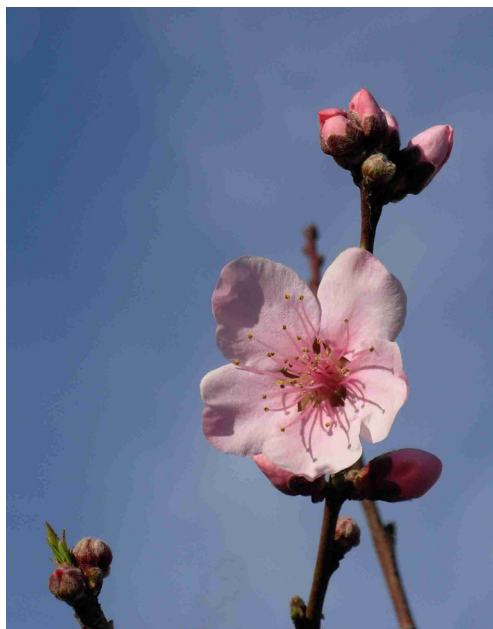
Trong vườn Thi Ca Việt Nam của đầu thế kỷ trước, khuynh hướng Đường thi dần suy tàn, nhường chỗ cho phong trào lãng mạn của thơ mới 1932- 1945 nở rộ, ảnh hưởng của dòng thơ lãng mạn Pháp khởi từ đầu thế kỷ 19. Thơ mới phá bỏ đi những luật lệ cấu trúc gò bó của thơ cũ, mà hướng về cái nhìn thẩm mỹ theo tư duy nghệ thuật, điều đó đã dẫn đến sự thông thoáng hơn, mở đường cho các thể thơ tự do, hiện đại sau này. Những nhà thơ của thời kỳ ấy đều là những tài năng xuất chúng, sáng tạo bằng con tim, trong số đó có Tố Hữu và một ít người khác, bắt đầu bằng sự nghiệp cầm bút đã nổi danh thi sĩ có tài, và có những bài thơ hay. Từ những vần thơ trữ tình cách mạng thời kỳ chống Pháp trước năm 1945, dòng thơ Tố Hữu vẫn mang tình người, đậm tình quê hương đất nước. Nhưng kể từ sau năm 1945 nhà thơ Tố Hữu đã đánh mất tính Chân Thật của con tim thi sĩ để trở thành «máy hát», chỉ biết ca tụng,

làm một thứ công cụ tuyên truyền của Đảng CS, tâm hồn ông mang tính đảng nên yêu đảng hơn tất cả ! Ông và bộ máy đảng sản xuất ra hàng loạt câu nói vắn, biến những câu về thành khẩu hiệu mang tính đại chúng để thi đua lập công, hò hét sắt máu!

Từ một nhà thơ, sống trong một cõi riêng, một vũ trụ nhỏ để phụng sự cái chân, thiện,mỹ cho đời bằng tình yêu quê hương, nhân loại, nhưng ông đã khước từ cái thế giới của thi ca, dành hết tâm hồn phục vụ đảng và quyền lực; để trở thành « cán bộ » thi đua! Chỉ có tính Chân Thật mới biến thành tính Nghệ Thuật . Họ là những vì sao loé lên sáng chói rồi tắt lịm trong vòm trời thi ca Việt Nam, khi dòng thơ vẫn chảy muôn đời.

Paris 25 11 2011

Đỗ Bình



**Hoa Đào: Song Hà**

# Di Hội Hoa Xuân Để Nhớ Ngày Nào

## VĂN QUANG

Thưa bạn đọc, bài này đến tay bạn, có lẽ đúng vào những ngày Tết Nhâm Thìn, cái Tết Nguyên Đán cổ truyền của dân tộc, hoặc bạn sẽ đọc vào những ngày đầu mùa xuân. Bạn đã nhận được quá nhiều lời Chúc Tết qua điện thoại và những tấm bưu thiếp rất đẹp. Nhưng theo phong tục cổ truyền của người Việt chúng ta, tôi cũng xin kính chúc quý bạn một năm mới Khỏe Mạnh - Vui Vẻ - Nhiều may mắn.

Những lời chúc đầu năm của tôi hết sức chân thành. Bởi có lẽ khi tuổi đã cao mới thấy được sức khỏe chính là điều đầu tiên chúng ta cần hơn cả. Sau đó mới đến sự vui vẻ trong một thân tâm an lạc. Là đại tử phú hay nghèo mạt rệp mà không yên ổn trong cuộc sống thì cũng chẳng mang lại hạnh phúc thật sự cho mỗi người. Cuối cùng là chúng ta cần đến sự may mắn trong mọi trường hợp. Trong mọi gian nan nguy hiểm, chính sự may mắn đã giúp chúng ta vượt qua tất cả. Sự may mắn quyết định số phận con người. Tôi vẫn tin vào điều đó qua những kinh nghiệm sống suốt một đời người. Chính vì thế tôi cầu mong bạn đọc sẽ gặp được tất cả những thứ đó. Những thứ không mua được, quả thật tôi cũng chẳng hiểu tại sao nó đến với người này mà không đến với người khác. Người ta gọi là “cái số”. Vâng, tôi cầu chúc các bạn sẽ gặp được cái “cái số may mắn” đó ngay từ đầu mùa xuân Nhâm Thìn.

Tôi viết bài này chỉ còn 2 ngày nữa là đến Tết. Ở Sài Gòn - hay nói chung ở VN - nhộn nhịp lắm rồi. Những chuyến tàu xuôi

ngược, những tất bật vội vàng của người đi sắm Tết, những cửa hàng cửa hiệu đầy những hoa đèn, những bao lì xì đỏ rực, những câu đối vàng chóa, những cành mai cành đào thật và giả lẫn lộn ... tất cả những thứ đó đẩy cho tâm trạng con người càng thêm xôn xao. Theo tôi thì những ngày giáp Tết mới chính là những ngày vui nhất. Từ nhiều năm nay, một số lớn người VN có anh em, họ hàng, con cháu ở nước ngoài thăm hỏi tới tấp, quà gửi tung bùng và nỗi nhớ nhung càng làm gần thêm tình nghĩa. Nhưng đến đêm Giao Thừa, dường như mọi con tim lắng xuống, không khí bỗng trở nên trang trọng hơn, những lo toan tạm thời khép lại, để cho Năm Mới tràn vào với những ước nguyện như đang thành hình trong từng con tim, từng khuôn mặt. Mọi người nói năng thận trọng hơn, thái độ hòa nhã hơn, lịch thiệp hơn và cuộc sống như lại bắt đầu sang một trang mới. Thế nên trước Tết thường vui vẻ, chộn rộn hơn những ngày Tết.

### *Tính quần chuyện đời*

Nhân dịp cuối năm, xin bạn cho tôi “tính quần chuyện đời” để đánh dấu một năm lặn lội. Tôi “tả oán” vài lời của một anh “ làm dâu trăm họ” tức là anh hành nghề viết báo. Có lẽ nó cũng gần giống với những bạn đồng nghiệp khác của tôi, chỉ khác chút xíu là tôi “đa mang” quá. Những ông khác chỉ cộng tác với một tờ báo đã tóe khói, còn tôi cộng tác với nhiều báo, nhưng thật ra cũng chỉ có 1 bài gửi chung cho nhiều báo khác nhau. Các vị có trang web riêng, có blog cứ “tự nhiên” xài chung, càng vui.

Trong khi cả thành phố đang tấp nập, nháo nhác và hàng xóm đang sửa soạn lại nhà, sơn cửa, rủ nhau đi chơi chợ Tết, đi sắm Tết thì những anh viết báo như tôi vẫn cặm cụi với chiếc computer ngồi lo “chuyện bao đồng”. Riêng với tôi thì càng “lỗi thời” hơn. Bạn bè nhiều, ân tình cũng lắm nên suốt những ngày Tết chẳng bao giờ được nghỉ ngơi. Báo này nghỉ thì báo kia vẫn ra đều đều, “ông ra thì bà nghỉ, bà ra thì ông nghỉ” nên chẳng tuần nào được rảnh rang. Báo nào tôi cộng tác thường xuyên, cứ gửi bài chậm là các ông ấy kêu toáng lên, e mail, điện thoại hối thúc như hò dò. Có ông lại nghĩ “chắc có vấn đề rồi đây”. Vấn đề ở đây là các ông ấy lo cho tôi bị “hỏi thăm sức khỏe” như cái cú bị “sờ gáy, nắn gân” hai năm trước. Tôi lại phải lo viết bài sớm để anh em đỡ lo cho mình. Không có mừng một Tết và cũng chẳng có mừng hai. Làm tuốt luốt.

Xin tâm sự thành thật với bạn đọc, tôi làm thế không phải vì mưu sinh mà vì “cái nghiệp” không bỏ được và cũng không bao giờ bỏ được những tờ báo của bạn bè. Phần khác cũng vì không viết thì chẳng biết làm gì. Viết để thấy mình còn được sống và viết những điều cần phải viết để thấy mình không sống thừa. Con đường mình đã chọn thì phải đi cho hết. Buông mặc mọi thủ đoạn hiểm độc, mọi toan tính vu khống, mọi chông gai phía trước.

### ***Bạn gần không có, bạn xa chưa về***

Tôi biết năm nào ở Sài Gòn cũng chẳng đèn kết hoa ở những con đường trung tâm thành phố. Nhưng với tôi, dường như kiểu tổ chức đó “xưa” rồi. Lại “bình mới rượu cũ” thôi, chẳng còn gì đáng phải chú ý nữa. Cả tháng nay tôi không ra đến đường Lê Lợi – Nguyễn Huệ làm gì. Phần khác vì có cái xe

gắn máy cho thằng cháu vừa lên đại học, nhưng nhà nghèo quá, không đủ tiền mua xe, dù là một cái xe cũ. Tôi nghe anh tôi kể lại, thằng cháu cứ để dành được vài trăm ngàn lại đem gửi bà nội để khi lên đại học mua xe. Vậy mà đến lúc lên đại học, nó chỉ có chưa đầy một triệu, trường rất xa, có thể nó sẽ phải bỏ học. Mũi lòng và sợ thằng cháu bỏ học nên “bàn giao” ngay xe và giấy tờ cho nó. Ở Sài Gòn mà không có xe đồng nghĩa với... không có chân. Thế là tôi trở thành “người không chân”.

Thêm nữa, vào cái tuổi tôi, phản ứng chắc chắn đã chậm nhiều nên lái xe gắn máy không còn vững vàng như “anh hùng xa lộ” thuở xa xưa. Đi đâu một mình thì giao mạng cho anh xe ôm. Còn cái tật thứ ba là lười. Ở nhà mãi thành quen, chẳng muốn đi đến đâu cho yên thân. Một điều quan trọng hơn cả là không có bạn, hay đúng hơn là thiếu bạn tâm giao. Ở một nơi như trong cái xã hội này, người ta đánh mất niềm tin, khó sống chân thật, nhiều người buộc phải nói dối, phải sống hai mặt. Ngoài mặt hoan hô, trong lòng đã đảo rồi thành thói quen. Thế nên lại phải hạn chế tối đa sự giao thiệp. Cái tâm sự “bạn gần không có, bạn xa chưa về” là sự cô đơn và cũng là sự “lưu lạc” ngay trên quê hương mình.

Tôi thường “quan sát” các sự kiện qua đài truyền hình, qua báo chí và trên mạng internet, đôi khi qua điện thoại. Còn dư luận thì ra quán cà phê đầu ngõ, đầu chợ Bàn Cờ, tha hồ nghe người dân “bình luận” đủ thứ trên đời, nhất là mấy anh thợ cắt tóc là “trung tâm tin tức” của khu dân cư. Đây là thứ tin tức “thật” nhất, sống động nhất, không sợ bị thổi phồng hay bóp méo. Người ta nói, người ta kể, người ta bàn từ trong tâm, cái “tâm” của người chất phác, không được thua gì trong mọi biến chuyển thời cuộc.

### **Các “đẳng cấp” chơi hoa Tết**

Tuy nhiên, năm nào cũng vậy, tôi dành một buổi để đi chơi hội hoa xuân vào một trong vài ngày cuối cùng của năm. Ở đây có thể bắt gặp những người đi “mót hoa cuối mùa”, tức là đào qua các khu chợ hoa vào ngày cuối cùng 29 hoặc 30 Tết. Lúc đó các chủ vườn hoa từ lục tỉnh lên, ế hàng, hoa Tết không bán được chỉ có nước mang về làm củi. Họ bán tống bán tháo để khỏi mất công, mất của chờ hoa về. Dĩ nhiên những thứ hoa đó chỉ là loại rẻ tiền. Vậy mà đôi khi cũng chọn được một vài cành ưng ý mang về chưng để các con nó mừng, bà vợ không tủi thân.

Có ba loại “chơi hoa Tết”. Loại thứ nhất là các đại gia, đại công ty, mua tận vườn những loại hoa cảnh quý hiếm. Năm nay có loại bonsai lên tới vài chục tỉ đồng cũng có “đại gia” tranh nhau mua. Ngay cả đến loại trái cây như dưa hấu, trái bưởi cũng được “trồng ép” thành những hình thù lạ mắt. Mấy năm trước đã có dưa hấu vuông, năm nay lại có dưa hấu hình bầu, bưởi hình nậm rượu, năm sau chắc chắn sẽ có dưa hấu hình chiếc xe hơi. Những thứ “hàng độc” này được bán với giá trên trời, không thể nói nó gấp bao nhiêu lần trái cây thường. Có khi một cặp bưởi ở chợ này giá 500 ngàn đồng, ở chợ khác giá gần hai triệu. Vậy mà chỉ vài hôm là thứ “trái cây siêu đẳng” này cũng hết sạch.

Loại thứ hai là loại trung lưu nhưng thích “đẳng cấp”, đi chọn hoa ngay từ phiên khai mạc để có loại hoa quả quý hiếm, có giá chừng một hai triệu, chứ chưa dám “trèo cao” như các “quý sò tộc” và đại quan, đại gia.

Loại thứ ba là loại đời “chợ chiều” mua hoa giá “bèo” vào ngày cuối phiên chợ như tôi đã nói ở trên. Còn dân lao động chân tay

lam lũ, loại được coi là “thành phần nông cốt chính hiệu”, dường như chẳng bao giờ biết đến thú chơi hoa. Thú “chơi com” còn chưa đủ lấy gì ra mà chơi hoa?! Nhìn vào đó thì đủ biết cái khoảng cách giàu nghèo hiện nay ở VN lớn như thế nào? Và cái khoảng cách ấy sẽ mang lại hậu quả như thế nào trong tương lai? Chắc bạn đọc đã có thể dự đoán được

### **Vài điều đặc biệt của Hội Hoa Xuân năm nay**

Hội Hoa Xuân ở vườn Tao Đàn Sài Gòn mới khai mạc hôm 25 tháng chạp. Hôm sau, tôi rủ Thanh Saigon, một cây bút mới rất tháo vát, đi thăm Hội Hoa Xuân. Ngồi sau chiếc xe gắn máy loại “phổ thông” nhất Sài Gòn, chúng tôi đến Phở Hòa dẫn bụng trước khi vào “công tác”. Đây là tiệm phở bò khá nổi tiếng trước và sau 1975. Phải thú nhận với bạn là lâu lắm rồi tôi mới ghé qua hàng phở này. Giá cả không “mềm” và cũng không “sang” như quán Phở Ta của bà Tuyết Mai, nay đã đóng cửa, nghỉ khỏe. Thường là tôi ăn sáng với những món “đặc sản chợ Bàn Cờ”. Bánh cuốn, bún ốc, bún riêu, sủi lúa, cơm tấm bì, bún bò, bún mọc, bún thang... không món nào quá hai chục ngàn đồng. Đây là tính theo thời giá mới sau khi xăng tăng giá. Giá cũ chỉ có 15 ngàn đồng trở lại. Lâu lâu có bạn bè chờ đi mới chịu khó mò đến hàng phở có tiếng và dĩ nhiên giá tiền cũng tham gia vào cái sự nổi tiếng này. Nó gấp đôi, gấp ba giá bình dân của chợ Bàn Cờ. Cửa hàng lúc nào cũng đầy ắp khách từ nhà dưới đến trên lầu. Muốn ăn sang một tí thì cũng phải chịu đựng một tí. Ngồi giữa chôn ba quân, nghe tiếng ồn ào cũng đủ nhức đầu. Khách vào đây chỉ để ăn rồi nhanh chóng ra đi, không có thì giờ tán chuyện gẫu ở đây.

Gần 9 giờ, chúng tôi đến vườn Tao Đàn. Trước hết gặp một sự ngạc nhiên lớn là chỗ gửi xe gắn máy chỉ có giá hai ngàn, xe đạp một ngàn đồng. Đó là chỗ lực lượng Thanh Niên tự nguyện tổ chức, làm gương cho những nơi khác. Có những chỗ gửi xe hè phố vào “thời điểm cắt cổ” này, giá trời ơi, có khi lên tới ba bốn chục ngàn là chuyện thường ngày ở huyện.

Con đường dẫn vào khu Hội Hoa Xuân được chào đón bằng hai con rồng uốn khúc, được uốn ghép bằng hoa lá cành chạy dài theo hai bên công. Khách đến thăm vẫn còn thừa thớt. Hầu hết là khách du lịch hoặc những bà con ở nước ngoài về thăm gia đình, đến xem hoa, chụp hình kỷ niệm. Hội Hoa Xuân chia làm nhiều khu, trưng bày từng loại hoa riêng biệt, nhưng cũng không khác năm trước bao nhiêu. Khu hoa lan, khu tiểu cảnh, khu cây khô, khu hoa mai, khu bonsai, khu trang trí, khu trưng bày cá cảnh. Ban tổ chức đã dành riêng một khu vực để trưng bày những biểu tượng về biển đảo, nổi bật là cột mốc chủ quyền đảo Trường Sa làm bằng hoa chính giữa khu trưng bày.

Được chú ý nhiều nhất của hội hoa là những chậu hoa lan xanh nổi bật giữa rừng hoa vàng hoa đỏ. Màu sắc rất lạ, hoa lá xum xuê che kín, không nhìn thấy thân và cành. Một điểm đặc biệt nữa của hội hoa năm nay là loại hoa đất sét. Mẫu hoa độc đáo này làm từ... đất sét. Mới du nhập về Việt Nam vài năm gần đây nhưng hoa đất Nhật Bản ngày càng chiếm được cảm tình của nhiều người vì sự lạ mắt, độc đáo, tươi tắn như hoa thật. Đất sét trắng được nhập từ Nhật Bản, sau đó được pha trộn với các màu khác nhau để tạo nên các loại thân, cành, lá hoa, treo khô lên từ 4 đến 5 tiếng. Tùy từng chất liệu bình được chọn để cắm mà giá có thể từ vài trăm đến vài triệu. Tôi đặc biệt

chú ý đến cây chuối nhỏ làm bằng đất sét, màu sắc như thật với những buồng chuối có những nải chuối và hoa chuối nhỏ xíu rất dễ thương, bày trên bàn hay trong tủ kính sẽ rất lạ. Hoa đất có màu sắc sắc sỡ, thậm chí theo nhiều người còn khen đẹp hơn cả hoa thật, lại không cần tưới tắm, chăm sóc công phu. Nếu chăm sóc tốt những bình hoa này có tuổi thọ từ 3 đến 10 năm.

### *Những hình bóng cũ*

Chúng tôi tìm đến khu bày bán những đặc sản từ miền Trung miền Bắc mang vào. Khu này thường được bày ở bên nhà Văn Hóa Lao Động, cạnh vườn Tao Đàn. Nhưng năm nay không thấy những gian hàng của các “nghệ nhân” từ chùa Non Nước mang vào nữa mà chỉ thu hẹp thành những gian nhỏ phía gần ngoài công Hội Hoa Xuân. Cũng không thấy chị gôm Bát Tràng bày hàng loạt đồ gốm thô đặc biệt của làng quê miền Bắc này. Tôi nhớ đến khoảng bảy tám năm trước, đi cùng Phan Nghị, Vương Đức Lệ đến những khu này. Phan Nghị “tán” vợ vẫn với chị bán hàng gốm Bát Tràng vui như pháo tét. Chị bán một bộ đĩa gốm có ba chữ Phúc - Lộc - Thọ. Nhưng tôi chỉ mua có hai chữ Phúc và Lộc. Chị hỏi tại sao, tôi giải thích gọn gàng là tôi trên 70 rồi, còn mua chữ Thọ làm gì nữa. Trời thương cho sống đến tuổi này đã là may. Chị cười rất duyên và nói “Sao mà bác giống bố cháu thế, ông cũng nói vậy”. Đến nay tôi còn treo hai chữ trên hai cái đĩa Bát Tràng đó giữa nhà. Tôi nhớ năm sau tôi đi một mình, nhà chị gôm Bát Tràng hỏi thăm “ông vẫn đi với bác đâu”? Tôi nói ông ấy quy tiên từ giữa năm rồi. Chị Bát Tràng ngẩn người rồi thở dài ngâm ngùi: “Đời người ngắn quá bác nhỉ. Bác thấp giùm cháu nén hương cho ông ấy nhé”. Chị không biết tên ông khách và ông khách cũng chẳng biết tên cô bán hàng, chỉ gọi là cô gôm Bát Tràng, vậy mà



họ vẫn nhớ nhau. Hai ba năm nay tôi không gặp lại “cố nhân” đó nữa. Chẳng biết năm nay cô trôi giạt phương nào. Nhưng tôi vẫn nhớ hàm răng trắng đều và đôi má thoáng đỏ khi nụ cười của cô sáng rỡ. Tôi nhớ Vương Đức Lệ ngày nào hiền lành lặng lẽ đi bên tôi và giục tôi mua bức tượng đất bọc nhưng đồ mang hình thiếu nữ phương Tây, ngực trần, uốn éo đội bầu nước, có thể dùng để cắm hoa. Hơn mười năm rồi, tôi vẫn còn để bức tượng đó bên chiếc máy truyền hình. Bây giờ hai ông bạn tôi đã ra người thiên cổ, nhưng ngày nào tôi cũng nhìn thấy hình bóng hai ông này qua những kỷ niệm của Hội Hoa Xuân.

Thật ra trong nhà tôi chỉ có vài thứ quý nhất, đó là những kỷ niệm rất nhỏ của bạn bè. Một chai rượu, một cái bật lửa, một chiếc ly thủy tinh... đều in dấu của một người còn sống hay người đã mất. Họ vẫn ở bên nhau và bên tôi. Gia tài của tôi chỉ có thế.

### ***Chợ Lớn năm nay có gì lạ?***

Hơn 10 giờ, Thanh Sài Gòn chở tôi vòng qua đường hoa Nguyễn Huệ. Vào buổi sáng nên khách đến thăm còn rất thưa. Ngắm nhìn toàn cảnh đường hoa năm nay, có nhiều nét khác nhưng tổng thể thì vẫn như năm cũ. Nếu năm trước là chiếc cầu khi thì năm nay là chiếc guồng nước, nếu năm trước là khu hoa lan thì năm nay là khu đồng ruộng thôn dã... Dù sao con đường hoa cũng làm cho Sài Gòn mới hơn, song chỉ mới cái bề ngoài. Ghé qua khu chợ Huỳnh Thúc Kháng, mang tên Chợ Trời, cũng chẳng có gì lạ so với những ngày thường. Chúng tôi phóng xe vào Chợ Lớn thử xem đồng bào ta và người Việt gốc Hoa ăn Tết ra sao. Nhưng ngay từ đầu đường Trần Hưng Đạo, từ sau siêu thị Nguyễn Kim, không khí vắng ngắt, cứ như không có mùa xuân từ đây. Mọi sinh hoạt vẫn bình thường lặng lẽ. Suốt chiều dài đó, kéo vào

tới Chợ Lớn, gặp nhà hàng Đồng Khánh, vẫn thưa thớt. Lác đác trên vỉa hè có mấy hàng treo lủng lẳng những chùm hoa giả, phong bao, câu đối nhưng chẳng có khách nào viếng thăm. Mọi thứ như chỉ có cái Tết uể oải như chiều lệ.

Đi sâu hơn vào dãy phố chính Trần Hưng Đạo, nơi có những nhà hàng lớn cũng chẳng hơn gì. Đường phố ở đây thông thoáng, khác hẳn Sài Gòn tấp nập. Trước năm 1975, nếu muốn đi “ăn tiệm”, hầu hết phải tìm vào Chợ Lớn mới có nhà hàng sang và món ăn ngon đủ kiểu. Phố ăn chơi chính là dãy phố này, nơi có nhà hàng lớn như Đồng Khánh, Bát Đạn, Arc En Ciel, Versailles...tôi không thể kể hết. Trước đây nhà hàng ăn Bát Đạn nổi tiếng với những món ngon, khách sạn chỉ là phân phụ. Nay thì khác, Bát Đạn chỉ còn là khách sạn, không có hàng ăn. Arc En Ciel cũng chẳng hơn gì, mặc dầu cái mặt tiền được trang trí “hoành tráng” hơn xưa. Hầu như tất cả những tiệm ăn, tiệm nhảy, nơi chôn ăn chơi đều đã chuyên hết về những khu phố Sài Gòn. Chúng tôi kiếm một quán ăn trưa cũng khó. Cái phồn thịnh năm xưa của Chợ Lớn đã hết thời, chính vì thế nên khách du lịch và người Việt ở nước ngoài về VN không còn chú ý và nhiều ông còn không bước chân vào Chợ Lớn nữa. Người ta quên phần đất này rồi. Nhưng tôi thì không thể quên, khi đi qua con đường xưa, nhà hàng cũ, những hình bóng của những người bạn thân quen hơn 30 năm xưa lại ùa về, không thiếu một ai.

Tôi đi Hội Hoa Xuân và đi Chợ Trời, nhảy vào Chợ Lớn chỉ là để tìm lại những hình bóng bạn bè từ thuở xa xưa. Mỗi năm một lần đi tìm ngày tháng cũ mang theo vào Năm Mới cho cuộc đời bớt quạnh hiu.

**Văn Quang**

*21-1-2012*

# XUÂN CỦA HỒN TÔI

Ai bảo rằng Xuân chưa kịp tới?  
Có em rồi : Xuân của hồn tôi  
Ai bảo rằng thu hay nhạt nắng?  
Có em rồi, bãi nắng mênh mông..

Quên nỗi sầu xưa, chiều xanh lá  
Màu áo em nơi miền phố lạ  
Một chút êm đềm.. miền man quá  
Vàng trắng gọi nhớ buổi em qua..

Đêm hôm đó, hương em thơm ngát  
Mắt mơ màng say đắm hồn anh  
Tim tôi đó, em người nắm giữ  
Cõi hồng trần.. hương lửa ba sinh..

Em đứng đó sao ngàn trùng xa cách  
Ánh mắt gàn,sao lại thấy xa xăm  
(Ân tình nào buông trôi trên ngọn sóng)  
Nghiêng sang em, tôi thấy bóng hanh vàng

Chiều dần xuống, gió ngừng không muốn thổi  
Dốc hoang vu như nhẹ lắng tiếng đời  
Ngọt bùi ơi..bay qua vùng mây trắng  
Sương âm thầm.. hiu hắt mảnh tình tôi..

VA, đêm 22- 12- 11

## BÙI THANH TIÊN

(gởi MKĐ)

# NHỚ TẾT Ở BÀU HÀM

Ra đi dễ mấy chục xuân rồi  
Nhớ thuở Bàu Hàm đón Tết chơi  
Tống cựu sân nghèo hoa cợt gió  
Nghinh tân bếp lạnh chuột khua nồi  
Đi buồn mở cuộc liền bay vốn  
Cuốc rẫy đầu mùa đã hết hơi  
Rượu đế thời thì vui với bóng  
Mềm môi đâu biết mếu hay cười!

# NGUYỄN VÔ CÙNG



# QUÁN CHIẾU

Buông xả cho lòng được thanh thoi  
An nhiên nghe gió cuộn lưng đời  
Bao tầng ảo mộng, sương đầu núi  
Một kiếp phù sinh, bụi cuối trời  
Tan hợp: hoa bèo nơi sóng cả  
Đổi dời: phố thị giữa trùng khơi  
Vô thường diệu lý cùng suy gẫm  
Sáu nẻo mong ngày thoát khỏi thôi!

# NGUYỄN VÔ CÙNG

# SÀI GÒN MƯA VẪN RỜI

\*\*\*

## TÔN NỮ MẶC GIAO

**X**í Muội (XM) quỳnh quáng chạy vào phòng sách kéo lung tung những cuốn sách trên kệ xuống miệng không ngừng hét gọi chồng:

- Bó! Bó! Cuốn sách “Sài Gòn Mùa Vắn Rời” của em để đâu anh biết không?

“Ngài” Tôn Thất Mặc Kệ đang “ngự” tại phòng khách, không nhúc nhích (đã bảo mặc kệ mà lị!) nhưng cũng... hết đáp lễ:

- Sách của em để mà em hỏi anh thì làm sao anh biết mà trả lời được?

XM vừa xếp lại chồng sách vừa lải nhải như tự giải thích với chính mình:

- Bữa nhận được sách của Phong Thu gọi, nhà mình đang lột thảm lót sàn bụi bay mù mịt, xê dịch lung tung em sợ lạc mất sách nên để vào một chỗ kéo tới kéo lui bây giờ không biết nó nằm đâu?

Ngài Tôn Thất vẫn... mặc kệ:

- Từ từ mà tìm, cũng nội đâu đó trong phòng sách thôi chứ mất đâu mà lo.

XM ngồi bệt xuống sàn vừa đưa mắt đọc tựa gáy những cuốn sách vừa bực mình lầu bàu nhỏ nhỏ:

- Đúng là... Mặc Kệ! Không chịu giúp người ta tìm gì cả. Chiều mai là ra mắt sách của Phong Thu rồi mà chưa đọc được chữ nào thì còn ra cái thể thống gì nữa!

XM tuy bực mình nhưng cũng không dám nói lớn sợ chồng nghe được thì lại phiền. Hai vợ chồng với hai sở thích khác nhau như thế mà lại sống chung đề huề và rất hạnh phúc thì kể cũng lạ. Vợ thì thích

viết văn, làm thơ làm thân mặc dù chẳng bằng ai. Nhưng đó là điểm tựa tinh thần, là giải trí lành mạnh để giảm bớt đi những căng thẳng giữa cuộc sống chạy đua như tên bắn của xứ người (không se xua bài bạc như những mệnh phụ khác là may lắm rồi). Còn chồng thì đắm mình vào đạo Phật, tham thiền và nghiên cứu Phật pháp để hy vọng kiếp sau sẽ được đắc thành quả “Bất thối chuyển” mới mong “độ” được cho con nhỏ XM “lộn xộn” này, rồi cùng nắm tay nhau giải thoát khỏi kiếp luân hồi.

XM tuy lí lắc lắm trò nhưng cũng biết nghe lời chồng, biết sợ phạm tội, sợ quạ báo luân hồi nên cũng chịu khó ăn năn xám hối, chịu khó đọc kinh niệm Phật, tin tưởng vào Phật Pháp theo chồng. Còn ngài TT Mặc Kệ tuy chẳng bao giờ cùng vợ đi tham dự những buổi ra mắt thơ văn, cũng chẳng bao giờ thêm đọc văn của vợ mà còn buông thông hai tiếng “vớ vẩn!” khi thấy văn của vợ được đọc giả ngưỡng mộ. Nhưng cũng biết tôn trọng, muốn viết gì thì viết, đôi lúc lại chịu khó ủng hộ làm bìa và in sách cho vợ nên XM khoái lắm! Cho nên ai nói gì cứ nói “em cũng theo anh đời đời kiếp kiếp”... hí hí... sợ chưa? Hai vợ chồng chẳng ai phạm vào điểm tựa tinh thần của ai cả, lại cùng nhìn về một hướng (đạo Phật) nên hạnh phúc chan hòa. Xin cảm ơn đời vẫn còn có anh.

Đọc tựa gáy những cuốn sách hoa cả mắt, mướt cả mồ hôi, XM đứng lên toan bỏ

cuộc thì dòng chữ “Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi” nằm giữa những cuốn sách khác trên nóc kệ cao nhất đập ngay vào mắt XM. Có thể chứ! “Sách quí” mà! Mắt làm sao được? XM mừng hùm kéo nó ra bật bật, dờ dờ vài trang rồi ung dung kẹp vào sách bước ra khỏi phòng sách. Đến bên bàn bếp, tay phải bóc lấy một quả hồng dòn chùi chùi vào áo (ở dờ sống lâu) đi lên lầu. Vừa đi vừa “cạm” trái hồng, tay trái cầm ly trà nóng bước vào phòng ngủ “enjoy” sách của Phong Thu.

Phong Thu là một nhà văn ở Maryland mà XM có dịp quen biết nhân một chuyến cùng đi sang Pháp tham dự buổi “Thu Tao Ngộ” cách đây hai năm do nhà văn, thơ Đỗ Bình tổ chức tại Paris (khi anh còn là chủ tịch Câu Lạc Bộ Văn Nghệ Sĩ người Việt Quốc Gia tại Pháp). XM tuy viết nhiều nhưng ít tiếp xúc với đời và đi sâu vào giới văn bút nên chẳng quen biết ai, ngoại trừ một số người giới hạn ở Mỹ. Nhờ chuyến sang Pháp XM được quen biết thêm với một số anh chị văn nghệ sĩ ở Paris, và một số nhà văn, thơ “tên tuổi” ở khắp tiểu bang trên nước Mỹ, trong số đó có Phong Thu. Chúa Nhật này (23 tháng 10 năm 2011) Phong Thu sẽ đến San Jose để ra mắt cuốn sách “Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi” được viết bằng song ngữ Anh Việt của cô, mà XM đã được nghe quảng cáo nhiều trên diễn đàn Internet cũng như trên báo chí, đài phát thanh và các cơ sở Thi văn đàn.

Là một người ham thích đọc và viết, XM làm sao mà không tham dự cho được? Huống chi lại là bạn văn? Chưa nhận được sách thì không nói làm gì, đăng này đã nhận được trước ngày ra mắt thì XM nhất định phải đọc cho bằng được mới thôi. Chỉ tiếc là sau này XM có cái bệnh chóng mặt khi nhìn lâu vào sách hay màn hình computer,

do đó vì lý do sức khỏe nên XM rất giới hạn viết và đọc. Vả lại hôm rày nhà cửa sửa chữa chưa xong nên rất bận rộn, nhưng cho dù bận rộn thế mấy thì XM đây cũng phải ráng đọc cho xong ngày hôm nay, để ngày mai khi đi tham dự mới thích thú nghe người ta bình phẩm và nhận định về cuốn “Sài Gòn Mưa vẫn rơi” của Phong Thu một cách chính xác được.

Và XM đã đọc xong (xúc động và đau lòng quá trời!). Xin cảm ơn bạn đã nói lên được tiếng lòng chung mà quả thật XM đây không viết được chứ không phải là không dám viết. “Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi” của Phong Thu theo XM là đầy đủ với cả nghĩa bóng lẫn nghĩa đen. Mưa ngoài trời cũng là những giọt lệ chảy ngược vào tim, và cũng là những giọt mưa đời không ngừng quất vùn vụt xuống những mảnh đời khốn khổ hiện nay của người dân tại VN. Cũng xin nói qua về “cái tôi” một chút. XM rất là đa cảm và mít ướt, một con chó bị xe cán dầy đành đành chết trước mặt XM cũng làm cho XM xúc động khóc cả ngày trời. Một tấm ảnh em bé Phi Châu (chắc chỉ được vài tháng tuổi) chết đói nằm co quắp dưới lòng mẹ, không một mảnh áo che thân cũng khiến XM không thể nào ngủ được. Thì thử hỏi làm sao không đau xót khi hướng về đồng bào ruột thịt đang hứng chịu những “trận mưa đời” không ngừng trút xuống? Làm sao không đau lòng lo lắng trước nguy cơ lụn bại sụp đổ hoàn toàn của nền luân lý giáo dục Việt Nam với hơn 4000 năm Văn Hiến? Và sự suy đồi băng hoại của thể hệ trẻ Việt Nam ngày nay? Rồi lịch sử “Một ngàn năm đô hộ giặc Tàu” có tái diễn lại chẳng?

Ôi! XM có lòng nhưng không có sức, có phải XM lo “con bò trắng răng” không?

Hơn 36 năm rồi! Những cây bút cũng như những người gìn giữ và phát huy văn hóa Việt tại hải ngoại, đã không ngừng tâm huyết, tốn hao biết bao nhiêu giấy mực để viết lên những tệ trạng này. Và hôm nay thêm một Phong Thu, tác giả của 12 truyện ngắn được viết bằng song ngữ Anh Việt trong “Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi”. Với một nhận định chính xác và sâu sắc, tác giả đã viết bằng tất cả tiếng lòng của mình để nói lên tất cả sự thật đau lòng mà “nhà nước ta” đã phạm phải từ khi lên cầm quyền. XM nghĩ rằng “Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi” sẽ được mọi người hoan nghênh và đón nhận không phải như một lời khen, mà là một ước ao, một hy vọng góp phần không nhỏ trong ánh đuốc soi đường để “nhà nước ta” thấy sai mà kịp thời sửa đổi cho dân nhờ. Trong 12 truyện ngắn của “Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi”, hầu như đa số tác giả đều viết những lời chú thích của lòng mình khiến XM thích thú. Có cảm tưởng như gặp được một người bạn đồng hành biết nghĩ cho quê hương, biết thông cảm, biết đau xót cho cái đau của đồng bào ruột thịt: *“Tôi viết để chia sẻ niềm đau với đất nước và dân tộc tôi. Tôi viết để ca ngợi và cầu nguyện cho những người đang cảm đang bị bức hại, đọa đày trong ngục tối. Tôi viết để nhớ những giọt lệ lòng, thương cho thân phận người Việt Nam máu đỏ da vàng.”*

XM đến hội trường giữa lúc Phong Thu đang rộn rịp đón tiếp quan khách và thân hữu đến tham dự buổi ra mắt sách của tác giả. Ngoài sự hiện diện của ban tổ chức gồm có bà Cao Ánh nguyệt, bà Ngọc Bích, bà Huệ Thu, bà Lê Diễm. MC Hồng Hà. Ông Lê Văn Hải, Ông Song Nhị, ông Cao Sơn, ông Thư Sinh, ông Diên Nghị, ông Trần Hữu Từ, ông Chinh Nguyên, ông Cung Diễm và ông Phạm Bằng Tường. Còn

có sự góp mặt đại diện của Thi Văn Đoàn Bốn Phương, Cơ sở văn thơ Lạc Việt, tuần báo Thăng Mõ, tuần báo Tin Việt News, tuần báo Phụ Nữ Cali, tuần báo Việt Tribune, nhật báo thời báo. Ông Trần Nghĩa Sĩ của Việt Nam Nhật Báo, nhà văn Duy An Đông và nhà thơ Ngọc An. Và đặc biệt nhất là sự có mặt của một nhà văn nữ vừa mới thoát khỏi ngục tù cộng sản Việt Nam được hơn 4 tháng nay mà suýt nữa XM đã mạo phạm nghi ngờ “người ta” là “Mít... đại” thì có chết không cơ chứ lị!

Trước khi nói đến chị, XM xin giải thích hai chữ “mít đại” cái đã. Không biết cái chuyện tếu này xuất xứ từ nơi đâu XM đọc xong cũng không nhớ rõ, chuyện kể rằng: Có hai người đàn ông gặp nhau trong một công viên trên đất Mỹ, cùng ngồi nghỉ chân trên một cái ghế đá. Người đàn ông tên A hỏi người đàn ông tên B rằng:

- Ông là người Việt Nam phải không?

Ông B gật đầu, ông A gật gù hỏi tiếp:

- Té ra cũng là An Nam Mít cả đây. Chẳng hay ông anh là “Mít khô” hay “Mít ướt”.

Ông B ngo ngác:

- Dạ Mít khô hay Mít ướt là sao ạ?

Ông A giải thích:

- Người Việt Nam, hay An Nam hay Mít gì thì cũng rứa không phải sao? Có điều qua đây rồi bà con mình buồn quá nên đặt chuyện nói tếu cho dzui. Mít khô có nghĩa là dân đi từ 75, Mít ướt là dân chân ướt chân ráo mới đến định cư sau này, ông hiểu chưa?

Ông B vỗ tay cười quá xá:

- Dạ thế là “em” Mít ướt rồi bác ạ! Em mới sang được vài năm năm.

Hai người đang cười hỷ hả thì bỗng có một ông tay cầm điện thoại “di động”, vừa đi vừa nói oang oang như chỗ không người: “Dạ! Báo cáo anh.... Dạ! Dạ!... Rất là ấn

tượng... Dạ! Dạ vâng!... Dạ cái gì cũng hoành tráng anh ạ!...” rồi xè xuống ghé đá ngồi bên cạnh hai ông A và B. Đợi cho người nọ nói điện thoại xong, ông A gọi chuyện:

- Ông anh sang đây theo điện bảo lãnh hay là HO?

- Dạ tôi được “nhà nước” cho đi “công tác”.

Ông A và ông B vội đứng dậy vừa đi vừa rù rì:

- Chết cha rồi! Gặp phải... “Mít đại” rồi bạn ạ! ...

Trở lại buổi ra mắt sách của Phong Thu, XM đang ngồi hàng ghế trước nói chuyện với Ngọc An, bỗng nghe đằng sau lưng có một giọng nói rất là “ấn tượng”. Có nghĩa là giọng “Bắc Kỳ 75” (ám chỉ bọn đồng chí của Hồ chủ Tịch) chí choa chí choé “hùng dũng, hiên ngang” tiến vào Sài Gòn bỏ ngõ hồi 75 rồi oang oang võ ngực tự xưng là mình đã “đuổi cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào”. Kể từ đó (30 tháng 4, năm 75), mỗi lần nghe được giọng nói này

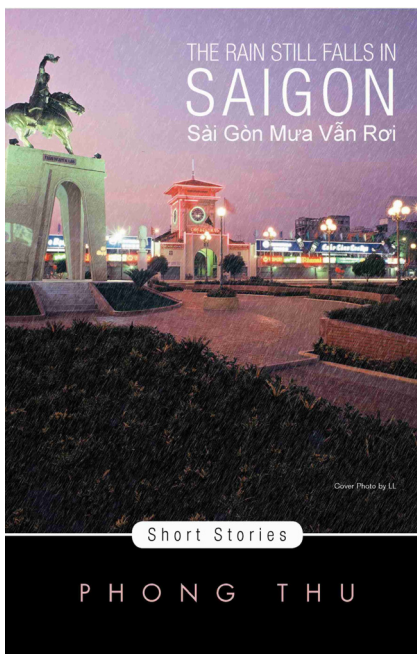
bất cứ ở đâu là XM lạnh xương sống không thể nào quên được cái ngày mất nước đau buồn năm xưa. XM cũng đã từng bị kẹt lại sống với cộng sản suốt 11 năm trời chứ ít sao? Cho nên XM cũng đã biết phân biệt được đâu là nhà nước, đâu là dân để oán thù phân minh. XM không có ghét dân miền Bắc (bản thân XM cũng là gốc Bắc kỳ chứ khác gì đâu!) mặc dù họ có giọng nói sao mà giống bọn “đỉnh cao trí tuệ” thế không biết. Nhưng XM không ghét

họ bởi XM biết họ vô tội, họ cũng là những người dân bị kẹt lại mà thôi! Rồi bị “đảng và nhà nước ta” nhào nặn, uốn nắn nên bị biến đổi thành một khuôn rập thể thôi! Đã 36 năm hơn, đừng trách XM sao nhớ mãi âm thanh giọng nói thừ xa xưa mà làm gì? Bởi sự sụp đổ quá nhanh chóng của miền Nam gieo không biết bao nhiêu thảm cảnh đau thương cho người dân vô tội hỏi ai có thể quên được? Cho nên mỗi lần

nghe đâu đó âm hưởng giọng “xa xưa” là XM không sao tránh khỏi tò mò quay lại nhìn. Để làm gì thì XM không biết, nhưng đầu óc lại liên tưởng ngay đến hai chữ “Mít đại” từ câu chuyện tếu kể trên.

Hôm nay cũng vậy, XM quay lại nhìn nhưng chưa kịp “nghĩ” gì thì chị lại đi chuyển lên hàng ghế đầu dãy phía bên cạnh ngồi xuống. XM đưa mắt nhìn theo, ngậm hỏi Ngọc An xem là ai thế? Ngọc An nói nhỏ vào tai XM: “Nhà văn Trần Khải Thanh Thủy đó!” XM giật

bắn người. Một nhà văn sinh trưởng tại miền Bắc đã dám đứng lên đòi nhân quyền cho VN, đã từng bị cộng sản “đi” hết chỗ nói vẫn cương quyết không bẻ cong ngòi bút của mình. Đã được Mỹ can thiệp cho định cư tại Sacramento hơn 4 tháng nay. Trời ơi! “người ta” là Mít “tố Nữ” nở giữa rừng “Mít đại” toả hương thơm ngát đáng để cho lớp trẻ trong nước noi gương. XM cũng đã từng đọc văn của chị, đã từng theo dõi tin tức thời sự về chị, và cũng rất cảm phục ý chí cương



quyết của chị. Thế mà suýt nữa XM nghĩ (...) Để ngậm chuộc lỗi, XM đến bên chị chào hỏi và nói dăm ba câu xã giao rồi quay về chỗ ngồi để chuẩn bị làm lễ chào Quốc Kỳ. Ngọc An, XM và một chị bạn tên Nga hát theo bài Quốc Ca ngon lành.

Thật đúng như XM nghĩ, buổi ra mắt sách của Phong Thu thành công ngoài sức tưởng tượng, không đủ ghế ngồi, có người còn phải đứng. Sách bán không còn một cuốn. Ngoài người điều khiển chương trình là ông Thư Sinh và cô MC Hồng Hà còn có sự phát biểu của nhà văn Diên Nghị và đại diện của các thi văn đoàn. XM thấy chỉ có bà Cao Ánh Nguyệt là lời cuốn nhất về cả ngoại hình lẫn lời ăn tiếng nói. Ăn nói lưu loát, không cần nhìn giấy, phân tách tỉ mỉ, dẫn chứng đầy đủ. Có thể làm MC tốt hơn là làm chủ báo (cười). Cũng không quên các ca sĩ Bảo Ngọc, Lê Hằng, Mỹ Thế và một cô nữa mà XM quên tên rồi (sorry!) Đã giúp vui chương trình văn nghệ với tất cả tấm lòng yêu thích văn nghệ của mình.

Thật ra XM viết bài này không phải là để quảng cáo hay phê bình gì hết cuốn “Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi” của tác giả Phong Thu. XM chưa từng bao giờ dám phê bình văn chương của ai hết mà chỉ nói lên cái cảm tưởng của mình khi đọc nó mà thôi! Nhưng tất cả những gì XM muốn nói đã thấy bà Cao Ánh Nguyệt trình bày rất đầy đủ rồi cho nên XM không còn biết phải nói thêm gì nữa đây? Thôi thì “Hữu xạ tự nhiên hương” Phong Thu há! (chữ của Phong Thu đó!) Được biết tác giả viết cuốn sách này để nói thay cho những người dân thấp cổ bé miệng đang sống trên khắp miền đất nước quê hương bị cộng sản bóp đầu, bóp họng không thể nói lên tiếng nói chính nghĩa được, mà Sài Gòn chỉ là một tượng trưng cụ thể. Nguyện vọng của cô là muốn được

phổ biến cuốn sách này về tới VN để cảnh tỉnh cho những ai quên mình đã từng là nạn nhân của cộng sản, đã quên vì ai mà ông bà cha mẹ ta phải bỏ nước ra đi mà nay lại quay trở về bắt tay với cộng sản. Muốn phổ biến đi khắp mọi nơi trên thế giới biết và quan tâm đến số phận của những người dân đang sống tại Việt Nam hiện giờ.

Có một vị nữ giới đã nêu câu hỏi với XM như thế này, xin lập lại nguyên văn:

- “Cái bà” Phong Thu này bà có về VN không hay chỉ ngồi ở Mỹ mà tưởng tượng thôi?

XM đã chuyển câu hỏi trên tới tác giả và được sự trả lời rất “nhẹ nhàng”:

- Xin chị hãy mời vị ấy mua cuốn sách này về đọc thì sẽ hiểu ngay thôi.

Thật ra không phải chỉ một mình Phong Thu nhận được câu hỏi “vớ vẩn” này mà ngay chính XM đây cũng đã từng bị “quánh” toi bời bằng những câu hỏi mà XM đây không muốn trả lời một chút nào hết:

- Chị nói làm sao chứ tôi thấy VN bây giờ đổi mới, giàu sang sung sướng thấy rõ, có ai nghèo khổ đâu?

Đúng ra thì mỗi người nhìn và nhận định về quê hương bằng mỗi góc cạnh khác nhau. Họ không biết hay là không muốn biết về những tin tức, thời sự nóng hổi trên mạng lưới Internet, trên báo chí, trên những phóng sự truyền hình, truyền thanh về những sự việc đau thương đang xảy ra hằng ngày tại xã hội VN hiện giờ. Hoặc cố tình nhấn mạnh sự phồn vinh giả tạo của Sài Gòn để khoe ra sự giàu có của chính bản thân họ và gia đình còn ở Việt Nam? Thật là ấu trĩ, nông cạn và thiếu sự cảm thông. Xin mời đọc “Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi” để... mở mắt ra.

**TÔN NỮ MẶC GIAO**  
(San Jose)

## XUÂN QUA VỘI

Lạc bước phong trần tóc trắng phau  
Buồn sông cát lấp mọc ngàn lau  
Hoàng hôn phủ xuống thời nhan sắc  
Mặt ngọc bồi lên lớp phấn màu  
Hối tiếc khối tình tan rã vội  
Thêm hờn ân ái đã tàn mau  
Thanh xuân bỗng chốc thành già cõi  
Hối hả giành đường đuổi bóng câu

### Lý Hiểu

Virginia 01/ 2012



Họa

## XUÂN GIÀ

Tuổi đã bảy mươi, tóc bạc phau  
Âm thầm vai vắt mảnh khăn lau  
Bước chân viễn xứ thềm muôn dặm  
Ánh mắt tàn xuân loá vạn màu  
Tã lót con thơ thay rất lẹ  
Áo quần vợ nhí giặt cho mau  
Thân già gầy yếu còn thê thiếp  
Than thở cõi lòng cũng mấy câu.

### Nguyễn Thị Ngọc Dung

Virginia 01/2012

## XUÂN CẢM

Cứ ngỡ Xuân nay đến trễ tràng  
Chợt nhìn hoa nở báo mùa sang  
Từng cơn gió lạnh lùa qua phố  
Một thoáng hương thơm tỏa cuối đàng  
Chị lắng chuông ngân từ tĩnh mịch  
Em tìm cảm hứng giữa đóa mang  
Dấu bao trần trở đời vong quốc  
Vẫn thấy trời Xuân đẹp rỡ ràng

### Nguyễn Kinh Bắc

Pennsylvania 02/07/2012



Họa

## XUÂN NHỚ

Tiếng pháo xa xa nổ mấy tràng  
Giao thừa quê mẹ nhớ xuân sang  
Hoa mai vàng thắm tươi đầu ngõ  
Tà áo xanh tha thướt giữa đàng  
Ngày tháng bao nhiêu điều bận bịu  
Cuộc đời sao lắm nỗi vương mang  
Sao đời vật đổi thân lưu lạc  
Tìm lại đâu đây phút rộn ràng

### Phan Khâm

Maryland 02/14/2012



# CON CHIM SƠN CA VÀ ÂM NHẠC

PHẠM VĂN TUẤN

## 1/ Truyện “Con Chim Sơn Ca” của Hans Christian Andersen.

Lâu đài của Hoàng Đế Trung Hoa là tòa nhà rực rỡ nhất trên thế gian bởi vì bên trong có trang hoàng rất nhiều đồ gốm quý giá. Trong vườn thượng uyển của nhà vua có trồng nhiều loại hoa đẹp nhất và treo trên cành cây là các chuông bằng bạc với tiếng rung leng keng, nhắc nhở mọi người tới ngắm hoa. Khu vườn này thì quá rộng lớn đến nỗi người làm vườn không biết đâu là mức cuối cùng và tiếp theo khu vườn là cánh rừng xanh lan rộng tới tận bờ biển.

Trong cánh rừng này có một con chim Sơn Ca nhỏ hót hay đến nỗi anh chàng đánh cá nghèo khó phải dừng chân lại, lắng nghe tiếng chim hót vào ban đêm. Anh ta thốt lên: “Tiếng chim hót thật là hay biết bao!” và qua đêm hôm sau, anh chàng đánh cá quay lại khu rừng để nghe tiếng chim hót và vẫn phải cất tiếng khen ngợi “Thật là hay biết bao!”.

Các du khách trong cả nước Trung Hoa đều tới kinh đô để ngắm lâu đài và khu vườn thượng uyển, nhưng khi họ tới cánh rừng và được nghe tiếng chim Sơn Ca hót, họ đều phải nói rằng “đây là thứ hiếm quý nhất”. Các học giả Trung Hoa đã viết nhiều sách, nói về kinh đô, lâu đài và khu vườn thượng uyển, họ cũng không quên nói tới con chim



Sơn Ca và con chim này được khen ngợi nhiều nhất. Vài cuốn sách nói về loại chim hiếm quý tới tay Hoàng Đế và nhà vua đã đọc sách khi ngồi trên ngai vàng. Nhà vua sùng sốt khi con chim Sơn Ca được đánh giá cao hơn tòa lâu đài vàng son, hơn khu vườn thượng uyển rực rỡ. Nhà vua đã phải thốt lên: “Tại sao có chuyện lạ vậy? Ta chưa hề biết gì về con chim Sơn Ca này”. Vị Tể

Tướng được gọi đến. Hoàng Đế phán: “Mọi người nói về một thứ rực rỡ nhất trong vương quốc của ta, đây là một con chim đặc biệt nhất, gọi là chim Sơn Ca. Tại sao không ai nói cho ta biết điều này?”. Vị Tể Tướng đáp: “Tâu Bệ Hạ, hạ thần cũng chưa hề được nghe ai nói tới con chim đó! Xin để hạ thần tìm hiểu thêm”.

Nhưng biết tìm con chim này ở đâu? Hỏi mọi người trong tòa lâu đài nhưng không ai được nghe nói tới con chim Sơn Ca nên Vị Tể Tướng tâu lên nhà vua: “Bệ Hạ đừng tin những gì viết ra trong sách”. Hoàng Đế bèn đáp lại: “Nhưng cuốn sách gửi tặng ta là từ Hoàng Đế của nước Nhật Bản, vậy điều này không thể sai lầm được và ta phải được nghe tiếng hót của con chim Sơn Ca. Con chim này phải ở đây vào buổi tối nếu không, tất cả triều thần sẽ bị trị tội”.

Vị Tể Tướng cùng triều thần rất lo lắng. Họ đi hỏi thăm về con chim Sơn Ca. Cuối cùng họ gặp một cô gái nhỏ làm việc

trong nhà bếp và cô bé cho biết: “Cháu biết rõ con chim Sơn Ca này. Có một lần cháu xin phép mang một chút đồ ăn còn dư cho mẹ của cháu đang bị ốm nặng và trên đường về nhà vào ban đêm, vừa mệt mỏi vừa buồn chán, cháu đã nghe thấy tiếng chim hót. Cháu quá sung sướng đến nỗi phải rơi nước mắt, tưởng rằng đang được mẹ cháu ôm hôn”.

Vị Tể Tướng nói: “Này cô phụ bếp nhỏ bé, cháu sẽ được gặp nhà vua nếu cháu dẫn ta đi tới chỗ có con chim Sơn Ca”. Rồi cả

nhóm người đi vào cánh rừng, nơi con chim Sơn Ca thường hay hót. Trên đường đi, họ nghe thấy tiếng bò rống, tiếng ếch nhái kêu, nhưng cô gái phụ bếp cho biết những tiếng kêu này đâu phải là tiếng chim hót. Rồi một lúc sau, con chim Sơn Ca bắt đầu cất tiếng. Cô gái nhỏ kêu lên: “Con chim đó” và cô bé chỉ tay về hướng một con chim nhỏ màu sẫm đang đậu trên cành cây. Vị Tể Tướng nhìn thấy con chim, bèn nói: “Có thể như vậy sao? Con chim trông tầm thường quá! Có thể nó bị rụng mất lông đẹp khi gặp gỡ nhiều nhân vật cao sang?”. Cô bé phụ bếp nói với con chim: “Chim Sơn Ca nhỏ bé ơi, Hoàng Đế muốn chim hót cho Ngài nghe!”. Con chim trả lời: “Sẵn Sàng”, và nó hót thật hay. Vị Tể Tướng cho biết: “Tiếng chim giống như tiếng chuông pha lê vậy. Con chim này sẽ thành công tại triều đình”.

Con chim Sơn Ca tưởng rằng nhà vua có mặt nơi đó, nên hỏi: “Tôi có nên hót một lần nữa cho Hoàng Đế nghe không?”. Vị Tể

Tướng trả lời: “Chim Sơn Ca nhỏ bé thân mến ơi, ta rất hân hạnh được mời chim tới triều đình tối nay và Hoàng Đế sẽ rất vui mừng khi nghe tiếng hót của chim”. Chim Sơn Ca đáp lại: “Tiếng chim hót hay nhất khi trong cánh rừng xanh”, và rồi con chim cũng vui lòng bay tới tòa lâu đài.

Tại hoàng cung, mọi nơi đều được trang hoàng rực rỡ, nào là tường vách bằng sứ trắng và sàn nhà bóng loáng phản chiếu các ngọn đèn vàng. Các hoa tươi được đặt trên hành lang. Tiếng chuông reo vang khắp

nơi. Tất cả triều thần đều có mặt và cô bé phụ bếp đứng bên cạnh cửa. Con chim Sơn Ca hót vang, hay đến nỗi Hoàng Đế phải xúc động và rơi lệ trên má. Vị Hoàng Đế quá hân hạnh về con chim, nên nói rằng chim đáng được đeo một chiếc vòng vàng quanh cổ. Nhưng con chim trả lời rằng nó đã được tương thưởng đủ nhiều: “Chim đã nhìn thấy các giọt nước trong mắt của Bệ Hạ, đây là một phần thưởng lớn cho chim này. Nước mắt của Hoàng Đế

có sức mạnh biết bao”. Rồi con chim lại hót với giọng trầm bổng hay tuyệt vời. Các bà mệnh phụ đứng quanh đó đều phải nói: “Tiếng chim hót thật là hấp dẫn”.

Kể từ nay, con chim Sơn Ca ở trong triều đình. Nó có một cái lồng riêng và được phép ra khỏi lồng hai lần vào ban ngày và một lần vào ban đêm. Nó được 12 người hầu chăm sóc, mỗi người cầm một sợi dây lụa buộc quanh chân của chim. Thực ra bay lượn với dây buộc như thế này thì không thoải mái.



Một hôm, Hoàng Đế nhận được một hộp quà có ghi hàng chữ “Chim Sơn Ca”. Nhà vua nói: “Đây phải là một cuốn sách mới viết về con chim danh tiếng của ta”. Nhưng đây không phải là cuốn sách, mà là một món đồ chơi cơ khí nhỏ, một con chim Sơn Ca máy trông giống như thật, nhưng chung quanh thân chim có gắn các hạt soàn, ngọc hồng và ngọc xanh. Khi lên dây thiêu, con chim này có thể hát giống như một con chim thực với đuôi vẫy lên, vẫy xuống, và thân hình chim lóng lánh vàng và ngọc. Chung quanh cổ của con chim máy này có đeo một vòng bằng nhung, ghi giòng chữ: “Con chim của Hoàng Đế Nhật Bản thì không thể so sánh với con chim của Hoàng Đế Trung Hoa”. Mọi người khi nhìn thấy con chim máy này, đều phải nói “Thật là rực rỡ”.

Sau đó, vị nhạc trưởng của triều đình đề nghị: “Bây giờ hãy để hai con chim cùng hát, chúng ta sẽ được nghe một bản song ca”. Nhưng khi chúng hát với nhau, giọng của chúng không hợp nhau, bởi vì con chim Sơn Ca thật hát theo cách của nó, còn con chim Sơn Ca máy hát theo các điệu luân vũ! Rồi con chim máy được phép hát một mình. Nó đã đem lại nhiều niềm vui như con chim thật, nó lại đẹp đẽ hơn khi ngắm nhìn, nó lóng lánh như các vòng đeo tay và vòng đeo cổ. Con chim máy hát cùng một bản nhạc 33 lần mà không mệt mỏi. Mọi người muốn nghe nó hát nữa, nhưng Hoàng Đế tới lúc này nghĩ tới con chim thật, nhưng nó ở đâu? Không ai để ý rằng nó đã bay ra khỏi lồng, về cánh rừng xanh của nó! Hoàng Đế hỏi: “Chúng ta phải làm gì bây giờ?” Cả triều thần đều tức giận, cho rằng con chim Sơn Ca thật bội bạc và rồi họ nói: “Chúng ta còn có con chim hạng nhất”.

Về sau, con chim nhân tạo phải hát và mọi người phải nghe cùng một điệu hát 33 lần. Vị nhạc trưởng lên tiếng khen ngợi con chim máy hết lời, ông ta quả quyết với mọi người rằng con chim máy này hát hay hơn con chim thật, không những hơn về bộ lông đẹp và các hạt kim cương, mà cả về bên trong. “Xin Bệ Hạ, các quý ngài và các quý bà, hãy nhìn kỹ con chim thật, rồi không ai có thể nói trước được về con chim này, nhưng mọi người đều biết rõ con chim nhân tạo. Quý vị có thể cắt nghĩa về nó, mở nó ra và cho mọi người thấy rõ các bản nhạc luân vũ nằm ở đâu, chúng sẽ được trình bày như thế nào và tiếp theo nhau ra sao”. Mọi người đồng ý: “Đây cũng là những gì chúng tôi nghĩ”. Nhà vua cũng ra lệnh cho mọi người được nghe con chim máy hát, rồi viên nhạc trưởng được phép biểu diễn con chim nhân tạo cho công chúng xem vào ngày Chủ Nhật sau đó. Nhưng anh chàng đánh cá đã từng nghe con chim Sơn Ca thật hát, nói rằng: “con chim nhân tạo hát khá hay, nhưng điệu hát sai và tôi biết có một thứ gì thiếu vắng”.

Kể từ nay, con chim Sơn Ca thật bị loại ra khỏi cung đình và con chim nhân tạo được đặt trên chiếc gối lụa, đặt bên giường nằm của Hoàng Đế, tất cả các quà tặng dành cho nó, từ vàng bạc tới ngọc quý, đều được bày chung quanh và nó được tặng danh hiệu “con chim hát đêm của Hoàng Gia”. Và viên nhạc trưởng viết một tác phẩm 25 tập về con chim nhân tạo.

Một năm trường trôi qua. Hoàng Đế, tất cả triều thần và mọi thân dân đều thuộc lòng từng nốt nhạc của con chim nhân tạo. Họ cũng ưa thích hơn vì có thể hát cùng với con chim này. Tuy nhiên vào một buổi chiều, khi con chim máy đã hát bài hát hay nhất, một thứ gì đó trong mình nó bị gãy,

có tiếng kêu rắc rắc. Mọi bánh xe bên trong mắc kẹt và âm nhạc cũng ngừng lại. Hoàng Đế bật dậy, kêu gọi vị y sĩ tới. Nhưng ông này làm được gì? Rồi một người thợ đồng hồ đến và sau một thời gian dài xem xét, anh ta đã xếp theo thứ tự máy móc bên trong mình con chim và nói rằng mọi cơ phận đã bị mòn và không thể đặt vô các cơ phận mới. Đây quả là một tai họa. Con chim nhân tạo chỉ có thể hát một năm một lần và điều này cũng là quá sức rồi.

Năm năm trôi qua, rồi một tin buồn tới với quốc gia này. Người Trung Hoa trông đợi mọi thứ vào vị Hoàng Đế mà giờ đây, nhà vua này đang đau bệnh, có thể không sống nổi. Một vị vua mới được chọn ra. Người ta hỏi vị Tể Tướng về nhà vua già và viên quan đầu triều chỉ lắc đầu, không nói. Vị vua già vừa xanh xao, vừa run rẩy, nằm trong chiếc giường rục rờ. Cả triều đình tin rằng ông đã băng hà nên mọi người xa cách ông để tôn kính vị Hoàng Đế mới. Trên các lối đi tại mọi nơi trong hoàng cung, thậm chí quý được trải ra để không ai nghe thấy tiếng bước chân. Tất cả là cảnh yên lặng.

Vị Hoàng Đế già trông đợi một thứ gì mới xảy đến, để phá tan sự yên tĩnh giống như cánh chết chóc này. Nếu có một người nào đó tới nói chuyện cho nhà vua nghe nhỉ? Nhà vua nói lớn với con chim máy: “Âm Nhạc! Âm Nhạc! Con chim nhỏ bé rục rờ bằng vàng oi, ta đã ban cho mi vàng bạc và ngọc quý, chính tay ta đã treo vòng vàng chung quanh cổ của mi, hãy hát lên, hát đi!”. Nhưng con chim máy vẫn im lặng. Không có ai lên dây thều cho con chim, vì thế nó không thể hát được. Tất cả là cảnh yên lặng, lặng thình đến khủng khiếp!

Nhưng ngay lập tức tại nơi cửa sổ vang lên tiếng chim hát tuyệt vời nhất! Đâu trên cành cây bên ngoài, con chim Sơn Ca thật

nhỏ bé đã nghe thấy lời cầu mong của vị Hoàng Đế già nên đã tới để hát cho nhà vua được yên lòng và hy vọng. Và càng nghe chim hát, giọng máu trong huyết quản của nhà vua càng chạy nhanh hơn, cuộc sống bắt đầu trở lại. Vị vua già nói với con chim: “Cảm ơn, ồ, cảm ơn con chim tuyệt vời. Ta biết mi. Ta đã đuổi mi ra khỏi vương quốc của ta nhưng mi đã mang lại cho ta đời sống. Làm sao ta có thể tưởng thưởng mi được?”. Con chim Sơn Ca trả lời: “Bệ Hạ đã tưởng thưởng cho chim rồi. Lần đầu tiên khi tôi hát, các giọt nước mắt đã lăn trên má của Bệ Hạ. Đó là các viên ngọc quý làm vui lòng trái tim của ca sĩ! Bây giờ Bệ Hạ nên ngủ đi để lấy lại sức khỏe”. Và nhà vua chìm trong giấc ngủ sâu, yên lành, trong khi con chim Sơn Ca hát vang.

Khi mặt trời chiếu sáng qua khung cửa sổ, vị Hoàng Đế già tỉnh dậy, cảm thấy mạnh khỏe, phục hồi. Không một người hầu nào tới thăm nhà vua cả bởi vì họ tưởng nhà vua đã chết. Nhưng con chim Sơn Ca đã đến và hát các giọng trầm bổng cho nhà vua nghe. Vị Hoàng Đế già nói với con chim: “Mi phải luôn luôn sống gần ta nhé! Mi hãy hát lên khi nào vui thích rồi ta sẽ đập vỡ con chim nhân tạo ra làm trăm mảnh”. Con chim thật trả lời: “Xin Bệ Hạ đừng làm thế. Con chim đó làm công việc của nó bao lâu tùy theo khả năng của nó. Tôi không thể xây tổ trong cung điện và sống nơi hoàng cung, xin hãy cho phép tôi tới đây khi nào tôi ưa thích. Vào mỗi buổi tối, tôi sẽ đậu trên cành cây bên ngoài cửa sổ và tôi sẽ hát các bài ca làm cho Bệ Hạ cảm thấy Hạnh Phúc. Tôi sẽ hát các bản nhạc vui và các bản nhạc buồn, tôi cũng hát lên những gì tốt và xấu mà Bệ Hạ không biết tới. Con chim nhỏ này sẽ bay vòng quanh, tới túp lều của anh chàng đánh cá

nghèo nàn, tới căn nhà lá của người nông dân, tới những người sống xa Bệ Hạ và triều đình. Tôi yêu thương Tấm Lòng của Bệ Hạ hơn là Ngai Vàng của Ngai. Bây giờ tôi hót cho Bệ Hạ nghe một lần nữa nhưng Bệ Hạ phải hứa với tôi một điều – “

Vị Hoàng Đế đứng dậy, mặc vào chiếc long bào và trả lời con chim: “Bất cứ điều gì”. Con chim nói: “Tôi chỉ xin Bệ Hạ một điều. Xin đừng nói với ai là Bệ Hạ đã có một con chim nhỏ bé kể lại cho Bệ Hạ nghe mọi sự việc. Tốt hơn là không nói ra”. Rồi con chim Sơn Ca bay đi. Khi các người hầu cận tới nơi, coi xem vị vua già đã băng hà chưa, thì nhà vua nói với họ: “Chào Buổi Sáng”./.

**Hans Christian Andersen** (Truyện “The Nightingale” trong cuốn The Children’s Treasure, biên tập do Alice Mills, nhà xuất bản Global Book Publishing Pty, Ltd., Australia).

## 2/ Nhà Văn Hans Christian Andersen.

Loại truyện trẻ em bao gồm những chuyện thần tiên, chuyện nhân gian, thường hàm chứa các đức tính tốt, các sự việc cao đẹp, mô tả các đời sống đơn giản hơn thông thường, với các điều lành và điều dữ dễ dàng nhận rõ. Loại truyện này cũng liên quan tới các con vật biết nói, với phần kết có những người tốt, người thiện được tưởng thưởng và các kẻ xấu, kẻ gian bị trừng phạt. Trong cốt truyện cũng kể tới các cuộc đi xa, các biến động, nhiều vấn đề rắc rối... nhưng cuối cùng, đời sống tiếp tục tươi sáng với tương lai nhiều hứa hẹn.



Có nhiều truyện trẻ em danh tiếng được nhiều người biết tới, chẳng hạn như chuyện Bạch Tuyết, Cô Bé Lọ Lem, Nàng Công Chúa Ngủ Trong Rừng... Các nhà văn viết truyện trẻ em lừng danh như Charles Perrault người Pháp, anh em Grimm người Đức, đã tạo nên những câu chuyện rất phổ thông, gây ảnh hưởng tới nền văn chương của phương Tây. Một bậc thầy khác về nghệ thuật viết truyện thần tiên hay truyện trẻ em là nhà văn Hans Christian Andersen. Các truyện của Andersen có nguồn gốc từ các truyền thuyết nhân gian, lại hàm chứa bên trong thể văn cá nhân và các yếu tố tự thuật hay tính châm biếm xã hội đương thời.

Hans Christian Andersen (1805–1875) là nhà văn danh tiếng nhất của nước Đan Mạch. Các truyện của ông được phổ biến rộng rãi trong nền văn chương thế giới bởi vì các tác phẩm này đã làm cho giới độc giả trẻ tuổi tin tưởng và say mê qua nhiều thế hệ. Andersen sinh ra đời tại Odense, Đan

Mạch, là con trai của một người thợ đóng giày nghèo khó, qua đời lúc cậu mới 11 tuổi. Vào thuở thiếu thời, cậu bé này đã phải sống trong khu nhà tồi tàn, phải tranh đấu để vươn lên trong một xã hội có nhiều giai cấp gò bó. Sau khi theo học tại một ngôi trường dành cho các trẻ em nghèo, Andersen rời bỏ Odense vào tuổi 14 để theo nghề nghệ sĩ tại thủ đô Copenhagen. Mặc dù cố gắng kiếm ăn bằng các công việc như kịch sĩ, ca sĩ, diễn viên múa, Andersen vẫn nằm trong cảnh túng thiếu. Tại Copenhagen, Andersen

được ông Jonas Collin, một trong các giám đốc của Rap Hát Hoàng Gia giúp đỡ và ông này trở thành người bạn thân niên.

Nhờ ông Jonas Collin, Andersen nhận được một học bổng để theo đại học Copenhagen vào năm 1828. Năm sau, Andersen viết ra vở kịch đầu tiên, có tên là “Tình Yêu trong Tháp của Nhà Thờ Thánh Nicolai” (Love in St. Nicolai Church Tower). Andersen cũng viết các tiểu thuyết và các vở kịch nhưng các sáng tác này ít khi được đọc bên ngoài miền đất Scandinavia. Cuốn tiểu thuyết danh tiếng nhất của ông là “Ứng Tác” (Improvisation, 1835).

Vào năm 1835, Hans Christian Andersen cho xuất bản tập truyện thần tiên đầu tiên và ông tiếp tục viết tới tập thứ 156 trước khi qua đời. Tập thứ nhất gồm các câu chuyện như “Chiếc Hộp dễ cháy” (The Tinder Box), “Claus nhỏ và Claus lớn” (Little Claus and Big Claus), “Nàng Công Chúa và Hạt Đậu” (The Princess and the Pea), “Các Bông Hoa của Bé Ida” (Little Ida’s Flowers)... Các truyện của Andersen trở nên phổ biến vào đầu thập niên 1840.

Các tác phẩm của Hans Christian Andersen đã mở ra một đường hướng mới về nội dung và thể văn bởi vì ông là một nhà cải cách thực sự trong phương pháp kể chuyện. Các câu chuyện của ông hấp dẫn trẻ em lẫn người lớn do tác giả đã đưa vào trong truyện các cảm xúc và ý tưởng ngoài tầm hiểu biết tức thời của trẻ em, trong khi những yếu tố này vẫn còn nằm trong tầm nhìn của lớp thiếu niên. Andersen đã khéo léo phối hợp khả năng kể chuyện tự nhiên và trí tưởng tượng dồi dào, đã dùng các đặc tính phổ thông trong các truyền thuyết nhân gian để sáng tạo ra những câu chuyện liên quan tới nhiều nền văn hóa.

Do là một nhà văn danh tiếng, Hans Christian Andersen đã quen với nhiều nhân vật trong hoàng gia Đan Mạch, thân với các nghệ sĩ lừng danh như nhạc sĩ Franz Liszt, nhà thơ Heinrich Heine, các tiểu thuyết gia như Victor Hugo và Charles Dickens. Ông Andersen cũng từng du lịch khắp châu Âu và viết ra nhiều cuốn sách liên quan đến các kinh nghiệm của ông, trong số này đáng kể nhất là cuốn “Tập Ghi của Nhà Thơ” (A Poet’s Bazaar, 1842) và “Tại Thụy Điển” (In Sweden, 1851). Một cuốn sách tự thuật khác của ông là cuốn “Chuyện Thần Tiên của Đời Tôi” (The Fairy Tale of My Life, 1855).

Hans Christian Andersen là một nhân vật thành công và danh tiếng do các tác phẩm nhưng ông không lập gia đình. Ông đã từng yêu ba phụ nữ trong đó có nữ ca sĩ người Thụy Điển Jenny Lind và cô ái nữ của ông Jonas Collin, nhưng không người đẹp nào đáp lại tình yêu của ông.

### **3/ Tiếng chim hót trong bản nhạc của Vivaldi.**

Trong truyện trẻ em kể trên của Hans Christian Anderson, nhân vật quan trọng thứ hai là con chim Sơn Ca. Con chim này đã hót nhiều giọng vui, buồn, trầm, bổng, với cung điệu rất hấp dẫn, truyền cảm, đã mang lại xúc động cho nhiều người nghe, từ anh chàng đánh cá nghèo khó, cô gái nhỏ phụ bếp tới Hoàng Đế Trung Hoa. Con chim Sơn Ca có khả năng mang lại sức khỏe cho nhà vua, đã khiến cho vị vua già không còn cô đơn. Nhà vua đã vui lên, tin tưởng hơn nhờ thứ âm nhạc của cánh rừng xanh mà con chim Sơn Ca là một ca sĩ trình diễn.

Như vậy Âm Nhạc là gì, có các công dụng nào và các thể loại nào? Âm nhạc là các âm thanh được xếp đặt theo các mẫu (patterns) êm tai và hấp dẫn. Mọi người

dùng âm nhạc để diễn tả các cảm xúc và tư tưởng. Âm nhạc cũng được dùng để giải trí và thư giãn tâm hồn, vì vậy âm nhạc là một phần quan trọng trong đời sống hàng ngày, trong nhiều hoạt động xã hội và văn hóa.

Âm nhạc là một nghệ thuật trình diễn. Khác với vài bộ môn nghệ thuật như Thơ Phú và Hội Họa trong đó người nghệ sĩ sáng tạo ra tác phẩm rồi phổ biến hay trưng bày cho mọi người nghe hoặc thưởng lãm; trong bộ môn âm nhạc, nhạc sĩ sáng tác cần tới nhiều ca sĩ trình diễn để diễn tả các bài ca, các nhạc phẩm, giống như nhà soạn kịch cần tới các diễn viên trên sân khấu. Như vậy công việc trình tấu âm nhạc là sự phối hợp giữa các nghệ sĩ sáng tác và các nghệ sĩ biểu diễn.



Âm nhạc là một trong các nghệ thuật lâu đời nhất và có lẽ con người bắt đầu biết ca hát khi ngôn ngữ mới phát triển. Các nhà khảo cổ đã tìm thấy các khúc xương rỗng được dùng làm cây sáo (flute) vào khoảng 10,000 năm trước Tây Lịch (TL) và bản nhạc đầu tiên được viết ra có lẽ từ 2,500 năm trước TL. Các dân tộc với nền văn minh cổ như các người Ai Cập, Trung Hoa và Babylonians đã biết dùng âm nhạc trong các lễ nghi cung đình và tôn giáo.

Âm nhạc giữ các vai trò quan trọng trong mọi nền văn hóa. Nhiều người dùng âm nhạc trong các buổi lễ hội, trong công

việc làm hay trong các sinh hoạt cá nhân và tập thể. Ngày nay, âm nhạc có nhiều hình thức. Loại âm nhạc của châu Âu và châu Mỹ được gọi chung là Âm Nhạc Tây Phương (Western music) trong khi châu Phi và châu Á cũng có loại âm nhạc riêng. Trong nền âm nhạc Tây Phương, có hai loại chính là “cổ điển” (classical) và “phổ thông” (popular). Nhạc Cổ Điển gồm các bản giao hưởng (symphonies), nhạc kịch (operas) và nhạc vũ ba lê (ballets). Nhạc Phổ Thông có các loại chính như nhạc đồng quê (country music), nhạc nhân gian (folk music), nhạc jazz và nhạc rock...

Trong bộ môn nhạc cổ điển cũng có nhiều hình thức. Nhiều bản nhạc cổ điển rất dài với nhạc phong và nhịp độ biến đổi. Cũng có các bản nhạc ngắn với cùng nhịp độ và nhạc phong được giữ nguyên trong suốt thời gian trình tấu. Vài bản nhạc cổ điển mang chủ đích trình bày một đề tài, diễn tả một ý tưởng, mô tả một cảm xúc hay kể ra một câu chuyện.

Các nhà nghiên cứu âm nhạc cũng chia nhạc cổ điển ra làm hai loại: nhạc dùng đàn (instrumental music) và thanh nhạc (vocal music). Nhạc dùng đàn thường được trình tấu bằng một nhạc cụ, một nhóm nhỏ nhạc cụ hay một dàn nhạc (orchestra), còn thanh nhạc được viết cho một ca sĩ hát, hay một nhóm ca sĩ, hoặc một ban hợp ca đông người. Ngày nay các nhạc cụ được chia làm 5 loại chính: (1) nhạc cụ dây (stringed), (2) nhạc cụ gió (wind), (3) nhạc cụ gõ (percussion), (4) nhạc cụ phím (keyboard) và (5) nhạc cụ điện tử (electronic instruments).

Tùy theo số nhạc sĩ trình diễn mà bản nhạc được phân loại ra làm:

(1) nhạc độc tấu (solo music): được viết cho một thứ đàn như dương cầm, vĩ cầm, sáo... Các bản sonata dương cầm danh tiếng

nhất là của các nhạc sĩ Ludwig van Beethoven người Đức, Wolfgang Amadeus Mozart người Áo... trong khi Johann Sebastian Bach người Đức cũng sáng tác các sonata xuất sắc, dùng cho đàn vĩ cầm (violin) và hồ cầm (cello).

(2) nhạc thính phòng (chamber music): dùng cho từ 2 tới 5 nhạc sĩ, với mỗi người trình bày mỗi phần khác nhau. Loại bản nhạc này gồm loại hòa tấu 3 đàn dây (string trio), hòa tấu dương cầm 3 đàn (piano trio), hòa tấu 4 đàn (string quartet), hòa tấu 5 đàn (string quintet)...

(3) nhạc đại hòa tấu (orchestra music): được trình diễn trước khán giả đông người. Dàn nhạc của loại này gồm từ 15 tới trên 100 nhạc sĩ, được chia làm 4 nhóm chính: a) loại dây, b) loại gió, c) loại kèn đồng và d) loại gõ. Loại bản nhạc thường được các dàn nhạc đại hòa tấu trình diễn gồm các bản giao hưởng (symphonies), các concerto và các tổ khúc (suites).

Bản nhạc giao hưởng thường diễn tả các cảm xúc, các ý tưởng. Bản giao hưởng “Eroica” (1804) của Beethoven lúc đầu có chủ đích ca ngợi Danh Tướng Napoleon với nhiều đoạn nhạc hùng tráng, và phần hai (2nd movement) là hành khúc tang lễ (funeral march) dành cho bậc anh hùng quá vãng... Bản giao hưởng “Mùa Xuân” (Spring, 1841) của Robert Schumann diễn tả niềm hạnh phúc khi lập gia đình.

Các bản concerto được viết ra cho một thứ đàn riêng biệt, chẳng hạn như đàn vĩ cầm hoặc đàn dương cầm. Nhà soạn nhạc danh tiếng người Ý Antonio Vivaldi đã viết ra nhiều concerto xuất sắc, chủ yếu dùng cho các loại đàn dây.

Từ thế kỷ 18, các tổ khúc (suites) là loại nhạc dành cho vũ điệu (dances), chẳng hạn như hai tổ khúc danh tiếng “Peer Gynt

Suite” (1876) của nhà soạn nhạc Edvard Grieg người Na Uy, và “Nutcracker Suite” (1892) của nhà soạn nhạc Peter Ilich Tchaikovsky người Nga.

Âm nhạc là một loại ngôn ngữ quốc tế có sức mạnh truyền thông lớn nhất, đã dùng tới các giai điệu trầm bổng để gợi lên trong tâm hồn người nghe nhiều cảm xúc nội tâm đa dạng. Âm nhạc trực tiếp ảnh hưởng tới các giác quan của thính giả và các nhạc sĩ sáng tác là những nghệ sĩ dùng âm thanh để mô tả những gì không thể nói ra bằng lời, vui cũng như buồn, say mê cũng như hùng tráng...

Trở về một thí dụ đơn giản là tập Concerto “Bốn Mùa” (The Four Seasons) của Antonio Vivaldi, phổ biến vào năm 1725. Mở đầu trong concerto thứ nhất “Mùa Xuân” là tiếng chim hót vui vẻ, chào đón một mùa nắng ấm, sau đó là tiếng nước chảy róc rách của một giòng suối với gió nhẹ thổi qua, với các tiếng sấm, và rồi lại nghe thấy tiếng chim hót diễn tả nhờ cây vĩ cầm độc tấu.

Mùa Xuân đang tới. Nhạc và Thơ là hai bộ môn nghệ thuật chuyên chở rất nhiều tình cảm. Nếu Antonio Vivaldi sáng tác ra các giòng nhạc bắt chước tiếng chim, giống như giọng hót của con chim Sơn Ca, thì Đại Thi Hào Nguyễn Du cũng mô tả tiếng đàn là lướt của nàng Thúy Kiều bằng bốn câu thơ sau:

**Trong như tiếng hạc bay qua,  
Đục như tiếng suối mới sa nửa vôi,  
Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,  
Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa...**

**Phạm Văn Tuấn**  
(Virginia)



# QUAN NIỆM VỀ THỜI GIAN QUA TỤC NGŨ, CA DAO

Trích trong “ Con đường văn hóa VN “ của

## Nguyễn Văn Nhiệm

(Tiếp theo Cô Thơ số 56)

Thông thường, người chinh phụ khi vắng chồng thì buồn bã, biếng ăn, biếng ngủ, còn nói chi đến việc trang điểm. Nhưng ở đây việc “*điểm tô son phấn*” “đi đôi với lời thề sắt son “ *em thề đợi anh* “ là do niềm tin và hy vọng cao. Việc “*điểm tô son phấn*” dĩ nhiên theo sau những công việc khác nhằm bảo đảm cho mọi sinh hoạt trong gia đình được ổn định, mà còn bảo vệ sức khỏe, dung nhan. Nỗ lực đó giúp quên thời gian.

Bên cạnh phương pháp “*đốc hành*” còn có phương pháp “*xả*” là bớt dần những ràng buộc quá đáng của ý hệ, tập quán xấu, gột rửa những tham dục cho đến Tâm không:

“*Anh về bớt công bớt việc*

*Bớt hoa bớt nguyệt*

*Bớt điểm bớt dàng*

*Thanh thoi có thươ*

*Thanh nhân có khi.”*

Thanh thoi, thanh nhân là biểu hiện của cuộc sống an nhiên, tự tại, là vượt thoát thời gian, đó là chân hạnh phúc.

**Nguyện cầu:**

Nguyện cầu là hình thức thể hiện lòng mong ước có sự trường tồn, nghĩa là thoát thời gian:

“*Mỗi đêm mỗi thắp đèn Trời,*

*Cầu cho Cha Mẹ sống đời với con.”*

\*\*\*

“*Chí tâm niệm Phật đêm ngày,*

*Cầu cho Cha Mẹ sống tày non cao.”*

\*\*\*

“*Ước gì nguyện được như nguyện,  
Ước gì chỉ thăm se duyên tơ đào.”*

\*\*\*

“*Vái Trời choặng vuông tròn,  
Trăm năm giữ vẹn lòng son cùng chàng.”*

**Thề nguyện:**

Thề nguyện là hình thức nói lên quyết tâm của chính mình để giữ Đạo hằng:

“*Đêm năm bỏ tóc qua mình,*

*Thề cho bán mạng kéo tình anh nghi.”*

Lời thề được xem rất quan trọng để minh xác, khẳng định lòng thương yêu rất mực của mình, cho dầu ở bất cứ hoàn cảnh nào cũng phải thực hiện lời thề, giữ lời thề:

“*Con sông bên lở bên bồi,*

*Lở kia lở mãi, bên bồi bồi thêm.*

*Lúc bao giờ gió đứng sóng êm,*

*Con thuyền anh xuôi ngược qua đêm lại về.*

*Với em anh rất nặng lời thề.”*

\*\*\*

“*Tóc mai ngắn lắm không dài,*

*Lời thề nặng lắm, nhớ hoài không quên.”*

\*\*\*

“*Minh về saoặng mà về,*

*Mặt trăng còn đó, lời thề còn đây.”*

\*\*\*

“*Ra về răng dứt mà về,*

*Câu ca bỏ dở, lời thề chưa trao.”*

Chưa trao lời thề thì chưa thể ra về được, mà đã trao rồi thì vẫn còn bịn rịn, trì kéo, dằn dò:

“*Ai làm kẻ ở người về,*

*Anh đừng quên hết lời thề thâm say.*

*Anh về em nắm cổ tay,*

*Em dặn câu này anh chớ có quên.  
Đôi ta đã trót lời nguyện,  
Chớ xa xôi mặt mà quên máng lòng.”*

Những hình thức thề thốt phải trang nghiêm như cắt tóc thề nguyện và nhất là cần sự chứng giám của thế lực huyền năng như Trời, Đất, Nước, Non, Miếu linh thiêng:

*“Mình có thương mình cắt tóc mình thề,  
Chỉ Trời vạch Đất chớ hề bỏ nhau.”*

\*\*\*

*“Một lời đã quyết tâm giao,  
Dưới thề có Đất, trên cao có Trời.”*

\*\*\*

*“Cái Miếu linh thiêng có bốn cây cột  
kiềng kiềng,*

*Rui tre mè trác, cắt tóc thề nguyện.*

*Lời thề nước biển non xanh,*

*Nhện giăng sóng dợn sao đành bỏ nhau.”*

### **Chung thủy:**

Thề thốt chỉ mới là hình thức, mà nội dung của nó mới là cứu cánh của Đạo hạnh:

*“Ai về nhắn với người xưa,*

*Lời thề phai lạt nhưng chưa thay lòng.”*

Không thay lòng đổi dạ là chung thủy, nghĩa là trước sau như một, là Đạo hạnh. Nói về mối tình chung thủy hay chung tình thì ca dao Việt Nam rất phong phú, nó phản ánh rất trung thực, sâu sắc cuộc sống của xã hội nông nghiệp xưa rất hài hòa theo như tinh thần của Hòa thời, đời sống tình cảm của gái trai tuy rất trữ tình mà lại hòa hợp với Đạo lý, nào là Thủy chung, nào là Nghĩa nhân, cho nên thay vì nói đến tình yêu đơn thuần, người Việt thường hay nói đến Tình nghĩa, Đạo nghĩa.

Tình đi với Tự do cá nhân. Nghĩa đi với công ước xã hội, đoàn thể. Nếu Tự do quá trớn sẽ đưa tới cá nhân chủ nghĩa. Còn nếu công ước xã hội quá khắc khe thì sẽ mất Tự do cá nhân. Đạo Việt là Đạo lưỡng hợp Thái hòa, cho nên Tình luôn luôn đi với Nghĩa một

cách hài hòa theo nguyên lý quân bình và đó chính là nền tảng bảo đảm cho Hạnh Phúc gia đình:

*“Lời em nói ra bằng ba lời thề thốt,  
Nhu đình đóng cột, như rìu cốt vào cây.  
Anh đừng ngại gió e mây,  
Vàng cao ngất núi sao tà nghĩa nhân.”*

\*\*\*

*“Một lời đã quyết nói ra,  
Dẫu là bốn ngựa khó mà đuổi theo.”*

\*\*\*

*“Thương là thương kẻ Trung, người Chánh  
Ghét là ghét kẻ nịnh, người tà  
Ăn rồi dùm miệng dèm pha  
Dèm pha trời kệ đôi ta không lia.”*

Ý niệm Trung, Chánh gợi đến ý nghĩa của sự giao thoa dọc ngang tự căn cơ.” *Đôi ta không lia*” tức là nói đến mối tình chung thủy keo sơn gắn bó.

*“Trăm năm ước hẹn chung tình,  
Trên Trời dưới Đất, có mình với ta.”*

\*\*\*

*“Hôm nay xum họp trúc mai,  
Tình chung buộc khắc nghĩa dài trăm năm.”*

\*\*\*

*“Biên Hòa xứ bưởi thanh thanh,  
Có cô bán bưởi xinh xinh trữ tình.  
Anh đây lên thác xuống ghềnh,  
Đá mòn sóng cạn quyết chung tình với em.”*

\*\*\*

*“Cô kia cắt cỏ một mình,  
Cho anh cắt với chung tình làm đôi.  
Cô còn cắt nữa hay thôi,  
Cho anh cắt với làm đôi vợ chồng.”*

\*\*\*

*“Năm ngoái em còn e còn ngại,  
Năm nay em kêu đại bằng mình.  
Áo bà ba nút ố chung tình ai may?”*

\*\*\*

*“Ngó lên trời thấy trăng tròn khi khuyết,  
Tôi thương anh chung tình, anh nào biết  
tôi thương.”*

Chữ “ *chung tình* “ trở thành người tình muôn thuở, người bạn đời, bạn trăm năm, tức người tình siêu vượt thời gian:

“ *Cầu cao ván yếu gập ghềnh,  
Chân lằn tay dắt chung tình đi qua.*”  
\*\*\*

“ *Bởi nắng không mưa cho nên rau dưa  
dậm lại,  
Anh có thương em, anh đừng bận bịu, bỏ  
điều chung tình.*”

“ *Con nhận bay cao anh khó bắt, con cá ở  
ao quỳnh anh lại khó câu.*”  
\*\*\*

“ *Để ngậm sâu nhiều câu rỉ rả,  
Nhớ bạn chung tình thức cả đêm thâu.*”  
\*\*\*

“ *Đi qua cầu sắt  
Nắm tay cho chắc  
Miệng hỏi gắt chung tình  
Ứng không ứng thì nói, chứ đừng cười đay đũa.*”  
\*\*\*

“ *Mặc cho cha đánh mẹ treo,  
Đứt giây rút xuống cũng theo chung tình.*”

Những ý nghĩa của Trung, Chánh, Tình-nghĩa, Chung tình, điều chung tình, bạn chung tình nói lên những đặc trưng của đời sống hôn nhân trong văn hóa truyền thống Việt Nam. Như vậy gia đình là đơn vị, là hình thức trung gian tốt nhất để nối kết cá nhân với đoàn thể, xã hội, quốc gia một cách hợp qui luật tự nhiên và hợp với tiết điều căn cơ âm Dương hòa hợp .

### Thời cơ:

Cơ là cái mầm, cái điềm vừa dấy động lên rất tế vi ở chỗ giao thoa dọc ngang của hai trục thời không chưa thành hình, chưa có chủ đề rõ rệt, những ai tinh tế cũng có thể thấy trước được. Hệ từ hạ viết: “ *Quân tử kiến cơ nhi tác, bất si chung nhật* “: Bậc quân tử thấy Cơ vừa dấy động lên thì tức khắc hành động ngay, không chờ qua hết ngày.

Tuy Cơ là chỗ giao thoa dọc ngang, nhưng phần dọc quyết định vì dọc biểu thị lãnh vực tâm linh, tiềm thức sâu thẳm, dọc cũng là Thiên, nên gọi là Cơ Trời; dọc cũng chỉ thời gian, nên gọi là Thời cơ:

“ *Biết được Cơ Trời việc đời chẳng khó.*”

Ngược lại, nếu không biết thì mọi sự đều đa đoan:

“ *Cơ Trời dẫu bề đa đoan,  
Tơ duyên vẫn vói thiếp chàng xa nhau.*”

Người nông dân là những người bình dân, họ không dễ gì nhận ra cái Cơ tế vi kia, nhưng qua kết quả được mùa thì họ kết luận rằng đó là Cơ Trời thuận lợi. Rồi lâu dần tích lũy thành kinh nghiệm truyền dạy nhau:

“ *Hễ mà hoa quả được mùa,  
Chắc là nước bể nước mưa đầy trời.  
Ai ơi nên nhớ lấy lời,  
Trông Cơ Trời Đất liệu thời làm ăn.*”

Ở thế gian, mặc dầu “ *Thời giờ thắm thoắt thoi đưa* “, nhưng nó không phải cứ “ *tích ta tích tắc* “ một cách máy móc, lạnh lùng như cái đồng hồ, mà đối với con người trong cuộc sống hiện thực, nó gọi ra những giai đoạn thích hợp cho từng sự việc:

“ *Ăn có thời, chơi có giờ.* “

Nó cũng tiết lộ cho thấy mỗi chủng loại đều có một thời kỳ sung mãn nhất định:

“ *Xuân kia xin chờ bỏ qua,  
Hoa mọc có lúa, người ta có thì.*”

Thời gian chẳng chờ đợi ai, nếu vụn suy tính sẽ có lúc phiền trách:

“ *Bụi dẫu khum cây chum gởi đống,  
Lúc sang giàu dù vông thiếu chi.  
Trách nàng cạn dạ hẹp suy,  
Chẳng toan kết tóc kíp thì làm ăn.*”

Hậu quả là “ *lỡ chuyển đồ ngang* “, là “ *đôi đàng biệt ly* “:

“*Bước xuống ruộng sâu lỗ sâu tác dạ,  
Tay ôm bó mạ nước mắt hai hàng.  
Ai làm lỗ chuyển đồ ngang,  
Cho sông cạn nước đôi đàng biệt ly.*”  
Như vậy thì sẽ “*quá lúa lỗ thời*”:  
“*Nữa mai quá lúa lỗ thời,  
Cao thì chẳng tới, thấp thì chẳng thông.*”  
\*\*\*  
“*Áo dài đứt nút còn khuy,  
Gái kia quá lúa lỗ thì hết duyên.*”

Cha mẹ kén dâu, kén rể quá đáng cũng là nguyên nhân đưa đến lỗ làng cho các con:

“*Nước trong xanh em để dành tưới họ,  
Trai lỗ thời tại mẹ kén dâu.*”  
\*\*\*

“*Nước trong veo bao giờ có cá,  
Nàng lỗ thời tại mẹ tại cha.  
Kén sui kén rể lọc lừa,  
Nên em hùi quạnh cũng vừa phận duyên.*”

Do truyền thống lễ giáo, con cái vâng lời cha mẹ, nhưng trong trong hoàn cảnh “*lỗ thì*”, người con gái cũng phải thắc mắc:

“*Em là con gái lỗ thì,  
Thầy Mẹ không gả để làm chi trong nhà.*”

Về việc kính yêu Cha Mẹ cũng vậy, sự chăm nom, phụng dưỡng không được lơ là, trễ nải:

“*Mẹ già như trái chín cây,  
Gió đưa trái rụng, con rày mò côi.*”

Đối với Cha Mẹ già mà quên yếu tố thời gian thì sẽ ân hận:

“*Rảo bước qua nhíp cầu tre,  
Trở về nơi mái lá con mới hay Mẹ đã qua đời.*”

Chú ý đến yếu tố thời gian là nắm bắt thời gian sao cho kịp thời:

“*Xin người hiểu từ gắng khuyên,  
Kịp thời nuôi nấng cho tuyền đạo con.  
Kéo khi sông cạn đá mòn,  
Thơ ngâm nga đọc, có còn thấy chi.*”

Kịp thời là bám sát theo Hòa thời, mà chỗ hòa nhất là phải thời, nơi Triết lý nhân sinh muốn đạt tới:

“*Ôn Trời mưa nắng phải thì,  
Nơi thì bừa cạn, nơi thì cày sâu.  
Ra công chẳng quản bao lâu,  
Ngày nay nước bạc, ngày sau cơm vàng.  
Ai ơi chớ bỏ ruộng hoang,  
Bao nhiêu tấc đất tấc vàng bấy nhiêu.*”

Làm thế nào để biết là phải thời, kịp thời? Điều này do ánh sáng từ Tâm thức chỉ dẫn, chứ không phải mắt công đi hỏi Ông Trời. Nếu có hỏi, Ông Trời cũng làm thình và chỉ mỉm cười thôi:

“*Lên Sài Gòn phải qua cầu Mỹ Thuận,  
Có thương không sao em lụng khụng  
không chịu trả lời,  
Năm đơi năm, tháng đơi tháng, anh hỏi  
Ông Trời, Ông làm thình.*”

Bởi Ông Trời cứ làm thình, mà ánh sáng Tâm thức cũng chẳng thấy lóe lên, cho nên có những chàng trai nôn nóng xắn tay vạch vách, bẻ rào:

“*Anh ơi! Đừng vạch vách, bẻ rào,  
Vườn quê mới lập, quả đào còn non.  
- Anh muốn vô bẻ trái đào non,  
Chờ cho đúng lúc, biết còn hay không?”*

Lại cũng có những chàng trai lụng khụng mà thành ra lỗ làng:

“*Trèo lên cây bưởi hái hoa,  
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân.  
Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc,  
Em đã có chồng anh tiếc lắm thay.  
Ba đồng một mớ trâu cày,  
Sao anh không hỏi những ngày còn không.  
Bây giờ em đã có chồng,  
Như chim vào lồng, như cá cắn câu.  
Cá cắn câu biết đâu mà gỡ,  
Chim vào lồng biết thuở nào ra...”*

Nôn nóng thì bị trách, còn lụng khụng thì lơ lảng. Vậy phải làm sao đây? Ta hãy nghe thuyết lý “*Cầm cần phải giựt*” của một cô gái như sau:

**“*Cầm cần phải giựt,  
Việc đến tay phải làm.  
Thiếp hỏi chàng phải nói ra,  
Đầu đuôi tự sự phân ra em tường.  
Anh câu từ câu ếch, câu lươn,  
Chờ khi cá đỏi phải thương miếng mồi.  
Cá nuốt vô khỏi miệng thì rồi,  
Cầm cần phải giựt, chớ ngồi chờ chi.*”**

*Cơ hội* là cách nói khác của *thời cơ*, không phải lúc nào cũng có, nó đến rất bất ngờ, cho nên phải tranh thủ cho *kịp thời* và xử sự hài hòa theo Đạo lương hợp quân bình:

**“*Trăm năm cơ hội tình cờ,  
Đàn cầm anh gãy, câu thơ anh đề.  
Muốn cho thuận nẻo đi về,  
Anh sang làm rể, em về làm dâu.*”**

### **Thời thế:**

Như đã nói về thuyết tương đối của Albert Einstein thì ánh sáng khi chiếu qua những khối vật nặng, tức qua hấp dẫn lực lớn sẽ chậm lại và cong đi: sự chậm lại này có liên hệ với sự chậm của thời gian và sự cong của ánh sáng có nghĩa là không gian biến dạng ( Kết quả cuộc quan sát nhật thực ngày 29-05-1919 đã chứng minh ). Hấp dẫn lực không phải là một lực, mà là *trạng thái vũ trụ* của *thời không lương hợp*, nghĩa là vũ trụ bốn bề: một bề là thời gian, ba bề là không gian, trong đó sự vật vận động theo con đường ngắn nhất, là *hấp dẫn lực tuyến*. Ở mặt đất, nơi nào là bình nguyên thì đường ngắn nhất là đường thẳng, còn ở vùng núi ( vật khối nặng ) thì sự vật vận động qua núi cũng phải chọn đường ngắn nhất là hấp dẫn lực tuyến, nhưng không thẳng như ở đồng bằng. Phân tách trạng thái vũ trụ ( xem lại định nghĩa của vũ và trụ ) là để liên tưởng đến ý nghĩa của *Thời thế*. Có

hai quan niệm về *thời thế* bổ túc cho nhau được lưu truyền trong dân gian:

**“*Thời thế tạo anh hùng*”**

và:

**“*Anh hùng tạo thời thế*”**

Nhà cách mạng Phan Bội Châu, trong bài thơ chữ Hán có hai câu được Đào Trinh Nhất dịch như sau:

**“*Nếu phải đường đời bằng phẳng hết,  
Anh hùng hào kiệt có hơn ai.*”**

( Giả sử tiền đồ tận di thân. Anh hùng hào kiệt già dung thường.)

Ở đồng bằng, con đường ngắn nhất là đường thẳng thì dễ xác định, còn như gặp nơi núi non trùng điệp, hiểm trở mà tìm ra con đường ngắn nhất để vượt qua mới là khó, mới đáng mặt anh hùng.

Về thời Tây Sơn có câu đối của Nguyễn Hữu Chinh có liên hệ đến chữ *thời thế* như sau:

**“*Thế Chiến Quốc, thế Xuân Thu.  
Gặp thời thế, thế thời phải thế.*”**

Để đối lại câu sau đây của Vũ Văn Nhậm:

Ai công hầu, ai khanh tướng.  
Trong trần ai, ai dễ biết ai.)

Ca dao, tục ngữ nói về các hình thái khác nhau của *thời thế* lên xuống như đường biểu diễn hình sin như được *thời*, *gặp thời*, *hết thời*, *thất thời*:

**“*Được thời ngồi ghé, thất thế ngồi trệt.*”**

\*\*\*

**“*Hùm giết người rồi hùm nằm ngủ,  
Người giết người thức đủ năm canh.  
Gặp thời thì cứ hoang huyênh,  
Hết thời thì chỉ lênh đênh như bè.*”**

\*\*\*

**“*Trời cao đất rộng thênh thênh,  
Công danh phú quý còn dành cho ta.  
Có công mài sắt diệt tà,  
Gặp thời lộc sẽ vào ra dồi dào.*”**

*Công của cũng chẳng là bao,  
Ra tay tháo vát thế nào cũng nên.”*

Giữa cái nhất thời và trường cửu, tục ngữ có câu:  
“**Quan nhất thời, dân vạn đại.**”

Thời quân chủ phong kiến mà đã có câu nói rất tiên bộ như trên rồi . Điều này cũng không có gì lạ cả, vì một khi *nền văn hóa đạt nhân chủ ở đợt tâm linh* thì đương nhiên có  *tinh thần dân chủ* ở lãnh vực xã hội, chánh trị hạ tầng, tức ở làng xã mặc dầu ở trung ương là quân chủ. Nói là  *tinh thần dân chủ*, vì nó bắt rễ từ tiềm thức cộng thông của *nền văn hóa đạt nhân chủ* nên có sức mạnh tiềm tàng mà quyền lực vương triều không thể áp chế được. Tục ngữ từ xưa đã có câu:

“*Phép vua còn thua lệ làng*”

Dân có cái thể “*vạn đại*” của dân, trong khi quan chức chỉ là cái thể “*nhất thời*” khi còn khi mất, cho nên trong dân gian từ lâu đã xuất hiện hai câu sau đây nói lên cái thể lực thật sự muôn đời của dân:

“*Quan có cần nhưng dân chưa vội,  
Quan có vội, quan lợi quan sang.*”

#### **Thời gian đi vào đời sống trong dân gian:**

Khi xưa, lúc chưa có đồng hồ thì tiếng gà trống gáy vào buổi sáng như phương tiện tự nhiên để báo thức, báo cho biết là trời đã sáng, một ngày mới bắt đầu:

“*Chó giữ nhà, gà gáy sáng*”

Mỗi con vật đều có bản năng riêng, đều có ích cho con người. Gà gáy có liên hệ với thời gian nhất định, thông thường vào lúc hùng sáng, nhưng nếu bất thường là điềm chẳng lành:

“*Gà gáy canh một hỏa tai,  
Gà gáy canh hai đạo tặc.*”

Điều này không hoàn toàn do mê tín, mà có thể giải thích rất khoa học là vì những biến

cổ, sự kiện bất thường kia gây tác động tạo phản ứng nơi con gà, cũng tương tự như chuyện tiếng gà gáy bất thường cứu cả một dân tộc thoát nạn ngoại xâm (chuyện tích xứ Gaulois ).

Gà gáy báo thức để kịp thời ra đồng cày cấy:

“*Lao xao gà gáy rạng ngày,  
Vai vác cái cày, tay dắt con trâu.  
Bước chân xuống cánh đồng sâu,  
Mắt nhắm mắt mở đuổi trâu đi cày.  
Ai ơi! Bụng bát cơm đầy,  
Nhớ công hôm sớm cấy cày cho chăng?”*

Gà gáy báo thức để học hành, chuẩn bị vốn học vấn để chờ khoa thi:

“*Tiếng gà gáy giục năm canh,  
Chàng ơi dậy học còn nằm làm chi.  
Sang năm Chúa mở khoa thi,  
Tàn vàng chơi chọi rở thì tên anh.*”

Tiếng gà gáy báo hiệu thời gian còn có tác động sâu đậm đến tâm tư của con người trong cuộc sống ở nông thôn:

“*Đêm khuya gió quạt trăng tàn,  
Trách con gà trống gáy tan tình cờ.*”  
\*\*\*

“*Đèn Bạc Liêu sáng rõ, đèn Chợ Sờ sáng lò,  
Anh gặp mặt em đây chưa kịp giao hòa,  
Gà kia vội gáy chân trời hùng đóng.*”  
\*\*\*

“*Trách con gà gáy vô tình,  
Chưa vui sum họp, đã đành chia phôi.*”  
\*\*\*

“*Trăng lên khỏi núi  
Con gà trống đứng bụi chuối  
Nó gáy tiếng đôi  
Tôi với anh duyên nợ hết rồi  
Anh phui tay đứng dậy, đừng ngồi chờ  
uổng công.”*  
\*\*\*

“*Chim bay về Núi Một  
Gà gáy ngộ Cổng Đồi*

*Anh không thương nữa thì thôi  
Cứ đường cái cũ, cây **Da Đồi** em về.”*

Ngoài tiếng gà gáy sáng, *tiếng thời gian* còn biểu hiện qua tiếng vạc trong đêm như ở phần giới thiệu ” *Tiếng ca dao trong đêm* “:

“*Đêm nằm nghe vạc trở canh,  
Nghe sư gõ mõ, nghe anh vỗ nàng.*”

Bên cạnh đó còn có tiếng thán lẩm tắc lười nữa, cũng đều nói lên *tiếng thời gian*:

“*Đêm nằm nghe vạc tác canh,  
Con thán lẩm điếm khấc, em thương anh  
nhiều bề.*”

Đôi khi người ta còn đếm thời gian bằng lòng ngón tay:

“*Thương chàng từng lóng ngón tay,  
Chẳng qua duyên nợ, Ông Trời rày biểu thương.*”

Ngắm nhìn sao trên trời để biết **thời tiết** mà lo liệu công việc làm ăn:

“*Nửa đêm sao sáng mây cao,  
**Điềm trời nắng gắt, nắng gào chẳng sai.**  
Ruộng khô nước cạn ai ơi!  
Rủ nhau tát nước, chờ trời còn lâu.  
Đêm âm u trăng sao không tỏ,  
Ấy là điềm mưa gió tới nơi.  
Đêm nào sao sáng rực trời,  
Ấy là **nắng ráo yên vui** suốt ngày.  
Những ai chăm lo cấy cày,  
**Điềm trời coi đó, liệu xoay việc làm.**”*

\*\*\*

“*Trên trời có ông sao **Thần,**  
**Bốn mùa chỉ lời cho dân ăn làm.**  
Sang xuân Thần cúi lom khom,  
Là mùa trồng đậu dân làng biết chẳng?  
Bước sang tháng chín rõ ràng,  
Lung Thần hơi đứng là đang gặt mùa.”*

Kinh nghiệm của người bình dân về thời tiết trong liên hệ với chu kỳ thời gian trong năm:

“*Tháng giêng động dài  
Tháng hai động tổ*

*Tháng ba nồm rộ  
Tháng tư nam non\*  
Tháng sáu nam dòn  
Tháng bảy mưa bãi  
Tháng tám mưa giông  
Tháng chín mưa ròng  
Tháng mười lụt lớn.”*

(\* nam non:” *Gió nam non thổi lòn hang để*“)

\*\*\*

“*Mông chín tháng chín có mưa,  
Mẹ con sắm sửa cây bừa mùa chiêm (làm ăn).  
Mông chín tháng chín không mưa,  
Mẹ con bán cả cây bừa đi buôn (mà ăn).”*

Kinh nghiệm của người bình dân về thời tiết qua hiện tượng thiên nhiên ( cũng trong liên hệ với thời gian ):

“*Bao giờ chớp bức sang đông,  
Sáng lờ phương bắc mưa giông rõ ràng.”*

\*\*\*

“*Bao giờ trời kéo vẩy tề,  
Sắp gông sắp gánh ta về kéo mưa.”*

\*\*\*

“*Mây kéo xuống biển thì nắng chang chang,  
Mây kéo lên ngàn thì mưa như trút.”*

\*\*\*

“*Mây xanh thì nắng, mây trắng thì mưa.”*

\*\*\*

“*Móng vàng thì nắng, móng trắng thì mưa.”*

\*\*\*

“*Móng cao gió táp, móng rập mưa dầm.”*

Kinh nghiệm về thời tiết qua phản ứng của loài vật quen thuộc ở đồng quê ( cũng trong liên hệ với thời gian ):

“*Cò bay ngược, nước vô nhà  
Cò bay xuôi, nước lui ra biển.”*

\*\*\*

“*Én bay thấp, mưa ngập cầu ao  
Én bay cao, mưa rào mau tạnh.”*

“*Chuồn chuồn bay thấp thì mưa,*

*Bay cao thì nắng, bay vừa thì râm.”*

\*\*\*

“*Tháng bảy heo mây,  
Chuồn chuồn bay thì bão.”*

\*\*\*

“*Kiến đen tha trứng lên cao,  
Thế nào cũng có mua rào rất to.”*

\*\*\*

“*Tháng bảy kiến đàn, đạì hàn hồng thủy.”*

\*\*\*

“*Ếch kêu uôm uôm, ao chuôm đầy nước.”*

\*\*\*

“*Con ếch ngồi ở trong hang,  
Gọi khách đi đàng: Trời nắng có giông.”*

Ngoài ra, ngắm trăng sao để biết thời giờ, giải bày tâm sự và chiêm nghiệm về lẽ huyền vi của mỗi tơ duyên, chuyện họa phúc:

“*Dưới trăng em viết thư này,*

*Sao Mai ló dạng thơ này viết xong.*

*Trăm năm một mối chỉ hồng,*

*Một đôi cánh nhạn, một lòng thương anh.”*

\*\*\*

“*Trèo lên cây trúc ngắt là đình lãng,  
Dòm xuống thấy có chữ rằng:*

“*Họa phúc vô môn*”

*Trai khôn khó kiếm, gái khôn khó tìm.*

*Ngó lên **trăng khuyết lười liềm\***,*

*Muốn vô gá nghĩa, sợ nổi niềm mẹ cha.”*

\*\*\*

(*\* Mông một lá trai*

*Mông hai lá lúa*

*Mông ba câu liềm*

***Mông bốn lười liềm...***)

**NGUYỄN VĂN NHIỆM**

(Germany)



**BÁC SĨ**

**NGUYỄN QUỐC QUÂN**



**CHUYÊN MÔN NỘI KHOA VÀ LÃO KHOA**

4217 Evergreen Lane

Annandale, Va 22003

(703) 354-2629

**KHÁM BỆNH MỖI NGÀY THEO GIỜ HẸN**



# TRƯỜNG ANH THỤY

## VỚI TRUYỆN DÀI “CHUYỂN MÙA”

HỒ TRƯỜNG AN  
(Tiếp theo Cỏ thơm số 57)

Thầy Giác Minh đặt tên cho chùa là Thiên Lâm vì khi thầy mới tới, mảnh đất này chỉ là một khu rừng với những cây sồi, cây dẻ, bạch dương, cây thanh tùng và nhiều nhất là thông xanh mọc san sát. Thầy lại yêu thiên nhiên nên chỉ cho đốn cây vừa đủ. Thầy bảo để cây cho chim chóc có nơi trú ẩn, sáng ra chúng hót cho mà nghe, chặt hết đi chúng ở vào chỗ nào. Phần đất còn lại vì thế vẫn là một rừng cây, trên một ngọn đồi thoải thoải. Trước mặt chùa, để ngăn cách với đường nhựa là một cổng tam quan dựng bằng gỗ một cách thô sơ nhưng cũng nổi bật với màu sơn son. Bên trong cổng, thầy cho đào một cái đầm để thả bông súng. Hoa súng màu vàng như màu kén tằm, cánh úp như những bàn tay khum lại. Các Phật tử đào cây trong rừng về trồng quanh bờ như các cây lệ liễu, bạch dương, và nhiều khóm liễu Quan Âm, trông giống như cây phi lao, nhưng lá màu lục đậm, trở từng chùm hoa lấm tẩm màu hồng tươi. Thầy bảo chùa dựa lưng vào đồi, trước mặt lại có nước như thế này, về mặt địa lý, phong thủy thì tốt lắm. Dần dần các Phật tử còn tìm thấy trong rừng có những cây anh đào Nhật Bản mọc hoang cần cỗi dưới những tàn cây rậm rạp. Thầy bảo có lẽ chim mang hạt anh đào về đây từ nhiều năm qua, nhưng cây cần cỗi xấu xí không ra hoa được, nên không ai để ý. Cây nào nhỏ thầy cho bứng về trồng gần chùa, cây nào già thầy cho vun xới, bón phân, phạt quang cảnh rườm rà trên cao của các tàn

cây khác để cây anh đào được hưởng chút nắng. Mùa xuân hoa liên kiêu màu vàng và anh đào nở tung bừng... Chùa Thiên Lâm trở thành một nơi thắng cảnh cho người muốn đến tìm một vài giờ thoải mái và cũng là nơi nương tựa tinh thần rất cần thiết cho Phật tử vùng này.

(các trang 376, 377)

Minh Châu đã thuộc lòng quả đồi này rồi, nhưng được lang thang trong rừng với Bình, nàng cho là tuyệt vời. Nàng có thể hỏi Bình về các loại chim, loại cây mà từ ngày sang đây nàng vẫn muốn biết mà chẳng hỏi ai được:

- Này Bình, em có nghe thấy tiếng gì như tiếng gõ cạch cạch ấy không?

Lắng tai một lúc Bình quả quyết:

- Tiếng chim gõ mõ đấy mà.

- Hay nhỉ. Chim gõ mõ mà ở trong khuôn viên chùa thì thật là hợp. Thế tên tiếng Đức gọi là gì?

- Là chim Specht. Kìa, kìa chị có thấy mấy con chim hoa mai kia không? Tiếng Đức gọi là Fink.

Minh Châu dừng chân lại ghi chép. Một con suối nhỏ từ trên cao róc rách chảy xuôi... Nước trong, chưa được đầy lòng suối, nhưng dòng nước cũng chảy mạnh. Bình và Minh Châu theo ven suối đi quanh đồi... Nhiều loại hoa dại nở. Hoa daisy, mà tiếng Việt gọi là nguyệt cúc trắng, forget-me-not, lưu ly thảo, màu thiên thanh, dandelion, hoa bồ công anh màu vàng, hoa cúc tím, hoa nút áo vàng, hoa poppy đúng là hoa mào gà đỏ bên nhà... Len lỏi trong đám cây xác rần, có cỏ trầm thủy, lá dài có dáng như lá mía, xanh um, mọc gần bờ nước. Lá xõa xuống nước, lung lay, uyển chuyển như tóc tiên nga... Cả khung cảnh trông như hình chụp trong các bưu ảnh. Minh Châu thầm ao

ước có máy ảnh chụp gửi về cho Mẹ và cho Tường. Nghĩ thế nàng lại thấy mình buồn cười. Không biết tự bao giờ nàng cứ nghĩ đến mẹ là lại nghĩ đến Tường, mặc dù hai người đó không có liên hệ nào cả.

(các trang 447, 448)

Cảnh làng xưa xóm cũ dưới con mắt bà Cát trong chuyến bà về thăm Việt Nam được tác giả mô tả chằm chút không kém:

Qua đình. Ngõ đình do chính ông nội cho xây hồi làng mới được thành lập. Cây hoa ngọc lan xưa đã không còn. Bà ngạc nhiên thấy vẫn còn cây hoa đại già nua, đang nở những bông hoa cuối đời cần cỗi, nửa khóc nửa cười với bà. Một cành lớn sắp gãy, được chống đỡ bằng cái cột xi-măng đắp sơ sài. Trước cửa đình là cái hồ nhân tạo, rộng, xây gạch chung quanh. Xưa kia dân làng vẫn ra đây gánh nước. Thanh niên, thanh nữ thường ra đây hóng mát và gặp gỡ nhau. Bà hãnh diện nhìn tấm bia ghi công đức ông nội, dựng ở bên kia hồ, đối diện với đình. Ông là người có công di cái làng này vào bên trong đê. Trước kia làng ở bên ngoài đê sông Hồng, năm nào cũng bị lụt và đất bị xoi mòn dần.

Vào đến ngõ nhà, bà đưa mắt tìm hồ sen năm xưa nhưng không còn một cọng sen nào, bây giờ là ao thả vịt. Bà bước từng bước chậm chạp trên từng viên gạch long lở, xộc xệch. Nhìn quanh, cố tìm lại một hình ảnh quen thuộc, nhưng vô ích. Hai bên ngõ, nhà cửa san sát, toàn gạch, cái thụt ra, cái thụt vào, cái quay hướng đông, cái quay hướng tây... Chó sủa âm ỹ...

Bước vào cổng trại. Cái cổng chẳng còn dấu tích gì của cái cổng khang trang ngày xưa. Sân chỉ còn lại một khoảng nhỏ. Bà chắc lưỡi nhủ thầm: Thế cũng phải! Mình ở rộng quá, nay chia ra cho mọi người cùng hưởng. Từ trong căn buồng duy nhất còn sót lại, các cô em họ tay bồng tay mang chạy ra vui vẻ chào... Bà giơ máy ảnh chụp lia lịa... Ôi những đứa trẻ

hai, ba, bốn... tuổi, đủ cỡ... mắt sáng ngời, khôi ngô tuấn tú! Ông, bà, bố mẹ chúng trông hiền lành, chất phác thế kia... Bà thấy quặn đau trong lòng, tự nhủ: Thật không làm sao hiểu được, đã từng có một thời, cả lớp người này biến chất!

Bước vào trong nhà, việc đầu tiên, bà đưa mắt tìm chiếc sập gụ và chiếc võng treo lủng lẳng trên sập, mà ngày xưa bà thường nằm đọc Tây Du Ký, Đông Chu Liệt Quốc, Tam Quốc Chí, truyện Quả Dưa Đỏ... cho bà nội nghe. Cụ nằm trên sập, vừa chăm chú nghe, vừa phe phẩy quạt. Nhưng không còn vết tích xưa, chỉ thấy chiếc tủ đứng, cao, kê sát tường, đằng trước kê một bộ bàn ghế. Người cháu, có lẽ là con trưởng của gia đình này, chỉ lên nóc tủ khoe:

- Đây là chiếc ngai thờ duy nhất mà cháu còn giữ được...

Bà nhìn theo tay trẻ. Một chiếc ngai bằng gỗ đã cũ kỹ ngả màu xám. Bên trong màu thời gian xám ngắt ấy, vẫn lơ mờ ánh lên màu sơn son thếp vàng. Trong ngai không thấy có ảnh hay bài vị. Trước ngai là một bình hương đầy chốc những chân hương đỏ. Ba nén hương đã được thắp sẵn, nghi ngút tỏa những cuộn khói mỏng bay là là, lơ lửng dưới trần nhà...

Trong lãnh vực văn chương, thâm thúy nhất là ở chỗ tả cảnh ngụ tình. Trong *Chuyến Mùa*, có hai đoạn chẳng những tả cảnh ngụ tình, mà tác giả còn đưa độc giả đi xa hơn nữa: chị đưa cái hoài bão to tát của nhân vật, cái niềm tin về vận mệnh tổ quốc của đương sự vào công việc tả cảnh, dù là cảnh ở ngoài cuộc đời hay trong giấc chiêm bao đi nữa. Tác giả vốn là người ưu tư trước vận nước đang hồi ngửa nghiêng, trước dân tâm ly tán. Chị muốn có sự hòa hợp giữa dân mình với dân mình nên gán cái ước vọng đó cho nhân vật bà Thu trong truyện. Chị không sợ mình phải đi dưới hai lần đạn, không sợ bị “người bên này” phao vu là đi

hàng hai (người Bắc gọi là đi “chữ Bát”, còn người Nam gọi là “đi chằng hẳng”) để tuyên truyền cho Cộng Sản. Xin đọc đoạn cảnh bà Thu viếng ngôi từ đường bên nội của mình:

*Trong lúc ngầy ngất với mùi trầm, bà nhìn qua làn khói tỏa lung linh, mờ mờ, ảo ảo... bất chợt thấy mọi vật trên ấy đều linh hoạt hẳn lên... Bà thấy cụ Hồ trong chiếc áo trắng cổ cao kiểu Tàu, dang dang rộng hai cánh tay hiệu triệu quốc dân. Có rừng cờ đỏ với biểu ngữ viết bằng máu. Có biển người cuộn cuộn tiến lên... xô sập mấy thân hình già yếu hốc hác đang bị trói gô, đứng bêu giữa cánh đồng nắng chói.*

*Bà ngồi chết trân trên ghế. Mắt bà hoa lên. Đầu óc bị xoáy hút vào cảnh tượng đang diễn ra... Thành linh có tiếng gọi ngoài sân, bà giật mình... Bà choáng váng bước ra...*

*Một tia nắng lọt qua tàn cây, chiếu thẳng vào mắt... Thử tia nắng chao ôi là quen thuộc, của những buổi trưa năm nào... Phải rồi! Đây chính là những tia nắng ấm áp, sáng lạng đã nuôi dưỡng bà suốt thời thơ ấu, cũng như đã thấm tẩm vào máu huyết, xương tủy của mỗi con người sinh ra và lớn lên ở đây, để họ với bà, trong muôn vàn cái khác biệt, cũng còn có được một cái «chung». Rồi một ngày, bà tin như vậy, cái «chung» ) đó sẽ thăng hoa, thành sức vươn lên... trên tất cả những cái thấp hèn tối tăm của con người.*

(các trang 541, 542)

Cái chiêm cảm tuyệt vời của bà Thu về một tia nắng trên quê hương không dễ để những con người hững hờ với mệnh nước nổi trôi nhìn ra được «cái chung» trong tinh thần hòa nhập với dòng sinh mệnh của dân tộc. Nó khơi dậy một niềm tin mâu nhiệm cho tác giả, cho nhân vật và cho cả người đọc trước tình trạng phân hóa của dân tộc vì chủ nghĩa, vì tham vọng được ngụy trang bằng lý tưởng và vì trăm thứ linh tinh tiêu cực khác. Chỉ một tia

nắng thôi, tác giả mở toang những cánh cửa đang bưng bít mọi tâm hồn của những kẻ cực đoan quá khích và những kẻ quên mất chủng tộc giống nòi để mai sau đôi bên có thể ngồi gần lại với nhau.

Còn nữa. Trong chuyến trở về Virginia, trên phi cơ bà Thu nằm chiêm bao thấy một cảnh tượng lạ lùng. Giác mộng ấy càng củng cố niềm tin của bà về việc kết hợp dân tộc tuy họ có dị biệt về lý tưởng nhưng rồi ra sẽ có ngày họ sẽ hóa giải mọi tị hiềm để ráp lại thành trái tim vĩ đại của dân tộc.

*Bà thấy mình lại đang ở Việt Nam. Đang chạy giữa một rừng người. Toàn người trẻ. Có cả Vinh, cả Trâm, cả Tường... Tất cả đổ dồn về một vầng sáng chói lòa. Trên trời mây vẫn vũ... Lẫn trong những mây bay tan tác, có vô số những mảnh gì trông như những lá bàng... lá bàng của mùa thu năm nào... Song nhìn kỹ thì lại những miếng «puzzle» đủ màu, đủ dạng, mà ở Mỹ các con bà vẫn chơi lắp ghép hồi chúng còn nhỏ. Mọi người hình như đều chạy, nhắm chộp lấy các miếng «puzzle». Bà nhìn xuống dưới chân thì thấy ở mặt đất, chỗ bà đang đứng, là cả một cái «puzzle» khổng lồ, đang lắp dở dang.*

*Chiếc máy bay đi vào một tầng mây dày, gây ra một tiếng động rất mạnh. Bà Thu giật mình, choáng choàng mở mắt... Chợt nhận ra mình vừa qua một giấc mơ. «Tại sao trong mơ lại có «puzzle»? — Bà tự hỏi. Bà xin cô cháu dãi hai viên Tylenol. Bà uống thuốc với cả một ly nước lạnh mời tỉnh. Giác mộng rõ y như thật. Mở mắt ra bà còn thấy những miếng «puzzle» bay loạn xạ trước mặt. Nó nhào tới bà. Nó đậu trên vai, trên đầu bà như bướm bướm. «Thôi đúng rồi!» — Bất thần bà reo lên trong tâm tưởng — «Toàn bộ» vấn đề Việt Nam là một cái «puzzle» vĩ đại... Có lẽ vấn đề còn lại là cần tìm cho ra những miếng đúng, những miếng đã đánh mất... mà lắp vào những chỗ trống kia, là hoàn*

*thành cả bức dư đồ Việt Nam, là giải đáp được cả một bài toán học búa » - Bà thít lên vì sung sướng... tự hỏi: «Phải chăng giấc mơ vừa qua là một điềm lành? Một phép lạ? Một dự báo? Rồi bà chợt nghiêm mặt, nhìn thẳng vào không gian..., bảo thăm: «Minh phải tìm thấy những miếng «puzzle» cuối cùng!».*

(các trang 582, 583)

Giấc chiêm bao có phải là điềm lành, là phép lạ, là dự báo đem lại tương lai tốt đẹp cho đồng bào và tổ quốc của chúng ta hay không, đó chỉ là những điều vượt cái khả năng hiểu biết của chúng ta. Chúng ta chỉ thấy rằng nó là phản ảnh niềm khao khát đợi mong của bà Thu từ trong tiềm thức sâu thẳm của bà trỗi ra giấc ngủ. Nhưng nếu chúng ta ảnh hưởng tư tưởng của Lão Tử «cùng tắc biến, biến ắc thông» thì rồi đây sẽ có một người hay một nhóm người tìm được những miếng «puzzle» cuối cùng để lấp vào những chỗ còn dở dang để hoàn thành một bức dư đồ Việt Nam nguyên vẹn.

Viễn ảnh tươi sáng của tổ quốc và đồng bào chưa biến thành sự thật. Nhưng giấc chiêm bao đã thấp sáng phép ẩn dụ trong nghệ thuật văn chương của Trương Anh Thụy thật kỳ diệu. Chúng ta chưa hề gặp tia nắng nào đặc sắc ở quê hương và giấc chiêm bao nào đẹp lạ lùng như tia nắng và giấc chiêm bao mà bà Thu đã gặp gỡ. Hai đoạn văn trên đây vốn không dài bao nhiêu nhưng chiếu sáng toàn thể tác phẩm. Đó cũng như thìa bột vanille nhỏ có thể làm cho tảng bánh «tarte» to cỡ cái mâm đồng thơm ngát.

\*

Ở phần tả nhân vật, tác giả không tả nhiều ngoại hình và chân dung của họ. Chính cách sống và tính nết của họ làm cho họ nổi bật lên nét tạo hình trên dòng liên tưởng của độc giả.

Nhân vật võ sư Huỳnh Long sao mà hoàn toàn quá, có thể là một mẫu người văn võ song toàn. Đã có võ nghệ tuyệt luân, lại hiểu tôn

giáo qua kiến thức Đông Tây kim cổ, mà ông còn có tấm lòng yêu nước thiết tha, sự giác ngộ trước lẽ vô thường của vạn pháp, cái mầu nhiệm của hiện hữu. Nhân vật này có thể làm đẹp cho xã hội, tổ quốc và tôn giáo. Đường sự chui vào quyển tiểu thuyết luận đề như quyển *Chuyển Mùa* thì vẫn là chuyện khả dung nếu không bảo là thích hợp. Nhưng nghệ thuật văn chương lại cần những nhân vật có tánh tình xấu tốt lẫn lộn nhau, có sự xung đột và mâu thuẫn nội tại hơn. Tuy nhiên, sự hiện diện của ông vẫn gây cho nhóm trẻ tuổi sau ông giữ được niềm tin về dân tộc, có thể treo cho họ một tấm gương sáng và kinh nghiệm của lớp người đi làm lịch sử thuở trước.

Nhân vật khả ái tuyệt vời vẫn là Thường Nga. Sự tỉnh ngộ của nàng trước một chủ nghĩa bịp bợm dối láo như chủ nghĩa Cộng Sản đưa đến cuộc tranh luận với một kẻ có đầu óc mặc áo đi mưa như ông Lương, bố của nàng. Là một đảng viên Cộng Sản, ông này quá tin tưởng vào chủ nghĩa mà ông theo đuổi cho đến cùng. Những lời lẽ biện bạch chống đối của ai khác cũng tỷ như những giọt mưa không sao thấm vào đầu óc ông được. Nhưng Thường Nga vừa tranh luận với bố vừa thuyết phục ông:

*- Thưa bố, bố đã nói đến công bằng thì con cũng xin thưa, cuộc cách mạng cũng như công thắng hai trận đánh Pháp, đánh Mỹ là công của toàn dân. Ông tướng mà không có quân cũng không ra trận được, chứ đừng nói là Đảng mà không có nhân dân. Còn bố nói cõi trời. Ai đã trời dân, để bây giờ Đảng phải gia ân cõi? Bố nói đổi mới, mà có ai thấy đổi mới thật sự cái gì đâu? Đây chỉ là phục hồi những cái gì Đảng đã phá hoại. Đảng đốt sách, đốt nhạc của chế độ miền Nam, bây giờ lại lục tục in lại những sách đấy. Nhạc vàng thì nhà nước cấm đoán, bỏ tù những người nghe hay tàng trữ... Nhưng như bố biết, ngày nay nhạc vàng tràn ngập khắp nước... Đảng phá vỡ quan niệm lấy gia đình làm gốc, bây giờ ai cũng lo vợ vét, bồi đắp cho gia đình mình. Đảng chủ trương*

“Trí, phú, địa hào, đào tận gốc, trốc tận rễ,” nay bố thử nhìn cán bộ, đảng viên đang làm gì? Họ đang nhồi nhét cho con họ học hành, thành những trí thức, khoa bảng... họ đang vơ vét của cải, đất đai để thành triệu phú, địa chủ... cả đấy. Bố có nghĩ một ngày nào đấy, Đảng sẽ lại đầu tổ các ông ấy, lấy nhà, lấy đất chia cho dân nghèo không?

(các trang 655, 656).

Dù ông Lương ngồi im, nhưng chỉ vài giờ sau tóc ông bạc trắng, mặt ông già quắc quoeo hẳn đi. Việc Nga nhắc lại lời Tường làm độc giả rưng rưng thương cảm tấm ái tình nồng đượm vững bền của Nga đối với Tường. Còn sự thay đổi bi đát của màu tóc và khuôn mặt ông Lương làm cho chúng ta bàng hoàng bứt rứt.

Nhân vật dì Tư, người giúp việc cho cặp vợ chồng Eric & Mai vốn là người đàn bà quê mùa lấy chồng giàu Bến Tre. Ông chồng lêu lổng từ thuở còn trẻ. Dì phải săn sóc hầu hạ ông theo kiểu chồng chúa vợ tôi. Khi ông bị học tập cải tạo, dì phải lo việc mưu sinh cho cả gia đình và tận tụy thăm nuôi chồng. Khi dì tính vượt biên, các con không đứa nào chịu theo. Còn ông chồng thì bằng lòng theo vợ, nhưng tới phút chót ông trốn theo vợ bé. Dì đành phải vượt biên một mình. Trên đất nước định cư, dì làm lụng siêng năng để có tiền gửi về giúp con cái và đi thê không muốn gặp lại chồng. Nhưng rồi lũ con gửi thư nhắn dì về nhìn mặt ông lần cuối vì ông bệnh nặng sắp chết. Dì lật đật về quê, nhưng ông vẫn còn sống nhăn. Dì tức giận ngăn cấm không cho chồng gặp mặt. Trong cuộc chuyện trò với con gái, dì bảo:

- Nói chi chứ ba chúng bây còn tệ bạc với má hơn Việt cộng nữa kia! Má tưởng về chuyến này để chôn ổng chớ. Ai dè tụi bây xí gạt tao...

Cô con gái phá lên cười đắc chí:

- Ba đau thật đó má, tụi con không có nói láo đâu. Ông nằm bẹp cả tháng nay, mãi khi nghe má về ổng mới ngóc cổ dậy đòi đi thăm má đó, vậy mà má còn không chịu cho ba gặp. Nếu má ghét ba tới

mức đó thì sao má còn muốn lo chôn cất cho ba nếu ba chết?

- Nghĩa tử là nghĩa tận con à. Nếu ông chỉ đau ốm thôi, thời để cho vợ bé ổng lo, mắc mớ chi bắt má lo. Hồi ba ở trong trại cải tạo, các con còn nhỏ quá, má lại không có đủ tiền xe, đồ cho các con đi thăm nuôi cùng, nên các con đâu biết má cực biết chừng nào: Mỗi lần được thăm nuôi là má phải nghỉ làm ba ngày. Đã không kiếm được đồng nào lại còn phải xài tốn kém tiền quà cáp, xe tầu... Cứ mấy bữa ba no là ở nhà các con đói. Má phải gánh hai túi đầy đồ, lại còn xách thêm một buồng chuối bự. Trong các món thăm nuôi, lần nào má cũng phải có một hũ sả khèo làm bằng sả, ớt băm, thêm tôm khô dầm nhuyễn trộn với muối, đường, và một hũ gạo lức rang xay nhuyễn trộn với đường. Mấy món này ăn vô sẽ hết bị sưng thũng, nhất là nếu như người bị còng tay lâu ngày...

(các trang 330, 331)

Bà Cát (mẹ của Tường, Vinh và Mai) trước luận điệu chống Cộng hung hăng của chồng, bà chỉ biết làm thinh. Không phải bà tán thành quan điểm và lập luận của ông Cát. Bà chỉ nhường nhịn ông để tránh cuộc tranh luận biến thành cuộc cãi vã gấu ó làm xáo trộn gia đình, thế thôi. Nhưng trong chuyến về thăm Việt Nam, bà mới có dịp bày tỏ kiến thức, nếp tư duy của mình về chính kiến, lập trường rất hùng hồn, nhất là với ông Trình một nhân vật thuộc đối phương. Ông Trình là cha của Trâm và chồng của bà Hương; bà này là bạn chí thân của bà hồi cả hai còn học trường Trưng Vương ngoài Bắc.

Bà Cát nói về bài phỏng vấn của Tiêu Dao Bảo Cự ở Đà Lạt, một người chống Đảng và bị khai trừ khỏi Đảng. Bài phỏng vấn được tóm lược ở nhận thức then chốt như sau: ở Việt Nam gần đây có những dấu hiệu hướng về điều thiện và chống lại cái ác. Bà Cát cho rằng:

- Vàng, tôi đã để ý quan sát xã hội ở đây, xem lời nói của nhà văn Tiêu Dao Bảo Cự đúng đến đâu, thấy cũng có nhiều điều đúng. Tôi thấy người ta đi lễ chùa, lễ nhà thờ siêng năng, đông đảo. Trong các gia đình mà tôi lui tới, thấy nhà nào cũng có hai, ba quyển sách về tâm linh. Chẳng hạn như những cuốn Hành Trình Về Phương Đông, Đường Mây Qua Xứ Tuyết, Chân Thiên, Minh Triết Trong Đời Sống... là những sách rất quen thuộc với tôi, vì in ở hải ngoại. Trường hợp mê tín dị đoan như đốt vàng mã, cúng giỗ linh đình, xem bói, xem tướng... cũng có vẻ tăng hơn ngày xưa nhiều.

(các trang 576, 577)

«Tiêu Dao Bảo Cự đưa ra vài trường hợp tiêu biểu về sự bất công, tham ô, cửa quyền, vô trách nhiệm và thờ ơ trước sự oan khuất của nhân dân... Khi có khiếu nại thì thường nhà cầm quyền bao che, vậy mà vụ việc vẫn nổ ra, nhờ vào sự dũng cảm của một số phóng viên báo chí, truyền hình... Họ đã dám đưa vấn đề ra trước công luận, bất chấp sự răn đe, mua chuộc. Sau đó có sự ủng hộ mạnh mẽ của dư luận, đã làm cho vụ việc không thể bùng phát. Ông kết luận, điều này là một minh chứng rất rõ vai trò của công luận, trong việc gây sức ép với bộ máy cầm quyền. Cũng theo ông, bộ máy hành chính, quan liêu đã tạo ra sức cản trở quá trình đổi mới của đất nước, và gây thương tổn sâu xa đến đời sống của công dân. Cuối cùng ông nhắc đến những người ông gọi là các 'kẻ sĩ thời đại,' các 'bộ phận trí thức cấp tiến' đã dũng cảm đứng lên tranh đấu cho lẽ phải, bất chấp sự đàn áp, bắt bớ... Nhưng mặt khác ông cũng lại nói, các chiến sĩ cấp tiến chỉ là một thiểu số, chỉ là những « con chim báo bão », quyết định cuối cùng vẫn thuộc đại bộ phận nhân dân. Những tiến trình đấu tranh cho công bằng, dân chủ, sẽ phát huy sức mạnh khi điều kiện chín muồi... Nhà Nước của Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam vào giữa thập niên 80 cho

rằng những người Việt vượt biên ra nước ngoài là dân tị nạn kinh tế. Nhưng bà Cát dù chỉ là một người nội trợ lu mờ trong một gia đình trung lưu đã chứng tỏ rằng bà cũng quan tâm tới chính trị, có ý thức về chính trị và thời cuộc. Cuộc vượt biên của bà chắc chắn không phải nhằm tị nạn kinh tế mà là tị nạn chính trị. Cũng thế, thằng trưởng nam của bà cùng nhóm báo Vượt ra hải ngoại không phải chỉ có mục đích trốn Cộng Sản mà quyết chống Cộng Sản.

\*

Ôn qua 3 tập *Trạm Nghỉ Chân, Ma Lộ và Chuyển Mùa* chúng ta thấy tác giả tỏ ra nhạy cảm với từng cái máy động của thời cuộc, từng chặng biến chuyển của hai khối Quốc gia và Cộng sản quốc tế cũng như quốc nội. Tôi không rõ câu chuyện trong *Chuyển Mùa* bắt đầu từ năm nào. Tôi chỉ biết nó xảy ra từ thời kỳ các sinh viên trong nước ra ngoại quốc lưu học. Mọi máy động này, mọi biến cố nọ có nhân vật này tham gia hay dần thân hết mình, có nhân vật khác dự khán hay làm nhân chứng. Nhưng vẫn có những cái biến cố, cái máy động chỉ xảy ra khơi khơi trong trong tác phẩm, không có ai tham gia hay dự khán, nhưng chúng vẫn kéo dài dòng suy nghĩ cho những nhân vật ưu thời mẫn thế trong tác phẩm, làm cho họ thắc mắc rồi đặt vấn đề, rồi ôn cố để tri tân, chọn lựa lập trường, dự định các giải pháp để hành động. Ở trong nước đã có các tổ chức vượt biển, chính sách cởi trói nửa vời...

Rồi đến vụ người tổ chức Chương Trình Mở Rộng Tình Thương với mục đích giúp đồng bào nghèo và phát học bổng nghèo bị bắt. Nhưng tình trạng báo chí trong nước lại sung mãn và phồn thịnh. Vụ khủng bố sau Đại Hội Đảng lần thứ 9 được tác giả tóm lược ở trang 684 như sau:

*Chuyện bắt đầu bằng một nhóm trí thức, các đảng viên lão thành, đã hưởng ứng lời kêu*

*gọi của ông tân tổng bí thư: Phải chống tham nhũng quyết liệt hơn nữa. Và Phải kiên quyết bảo vệ những người chống tham nhũng thì họ mới dám chống tham nhũng. Các ông bèn viết thư lên cấp lãnh đạo Đảng xin lập Hội Người Dân Ủng Hộ Đảng và Nhà Nước Chống Tham Nhũng. Đang đợi kết quả được phép lập Hội với bao kỳ vọng, thì ngày mùng 5 tháng 9 các vị này đã bị công an Hà Nội truy lùng bắt giam, không những chỉ hai người đứng tên trong đơn xin, mà có thêm hơn hai mươi người khác, trong một cuộc hành quân bố ráp dữ dội, trước con mắt kinh hoàng của nhân dân thành phố.*

Rồi tác giả sang qua chuyện Năm Cam, một nhân vật khét tiếng trong làng dao búa gồm 6 băng đảng với các thành tích cờ bạc, bảo kê, thanh toán đối thủ, đâm thuê, chém mướn, tranh giành lãnh thổ với các băng đảng khác từ Hải Phòng, Nam Định, Hà Nội. Nhưng vận sự đáng nói sau cùng là vụ Bắc Bộ Phủ tự ý cắt nhượng hơn 720 cây số vuông vùng Biên giới phía Bắc và hơn 11 ngàn cây số lãnh hải trong vịnh Bắc Việt. Việc cắt nhượng ấy qua 2 Hiệp Định biên giới trên đất liền được ký ngày 30 tháng 12 năm 1999 và Hiệp Định Phân Định Vịnh Bắc Bộ, ký vào ngày 25 tháng 12 năm 2000. Còn ở nước ngoài, vụ luật của Mỹ cấm không cho tàu buôn Mỹ hay tàu quân đội Mỹ vớt thuyền nhân nữa, mà chỉ giúp lương thực, nước uống, dầu xăng, địa bàn v. v... trừ khi chiếc thuyền đang bị chìm. Vụ ấy làm cho các cộng đồng kiều bào ở các lục địa Mỹ, Âu, Úc và Bắc Mỹ phải xôn xao. Chuyện đảo chính của Boris Yetsin kết thúc chế độ Cộng Sản tại nước Nga và giải thể chế độ Liên Bang Xô-viết. Chuyện các kiều bào ở Nga lén lút ở lại Nga một cách bất hợp pháp, không chịu về nước. Chương trình dạy song ngữ ở các tiểu bang Hiệp Chúng Quốc mà trường Đại Học Georgetown đào luyện giáo sư. Rồi vụ tên

khùng Trần Trường treo cờ búa liềm và treo ảnh Hồ Chủ Tịch của hắn tại Orange County (Nam Cali) làm cho kiều bào ở các tiểu bang Hiệp Chúng Quốc biểu tình rầm rộ. Vụ không tặc Hồi giáo phá sập một góc cạnh của Ngũ Giác Đài ở Thủ Đô Hoa-thịnh-đốn và khu Trung Tâm Thương Mãi Quốc Tế ở Nữu Ước. Sau cùng là cuộc chiến tranh tại Irak.

Những vận sự vừa kể trên chỉ có giá trị về sự thông tin. Trong tác phẩm văn chương, chúng chỉ là chất gỗ khô, không được đẽo gọt thành các bức tượng tinh xảo để tác giả truyền vào đó linh hồn của nghệ thuật. Đúng hơn đây là những chồng báo cũ mà tác giả lục loại để sao chép lại. Nhưng may thay, chị không cho chúng chiếm nhiều trang nên chị không làm độc giả yêu văn chương thuần túy phải bực mình. Chúng được chị xử dụng làm những chiếc cầu gỗ bắc từ vấn đề này sang vấn đề khác để mạch diễn tả được liên tục. Trong *Chuyển Mùa*, tác giả có nhiều cơ hội để viết văn đúng nghĩa, có nhiều dịp khơi mạch sống tươi mát cho nghệ thuật. Dù không có dịp điêu khắc chất gỗ khô thành tác phẩm nghệ thuật, chị vẫn có thể dùng cây tươi để trồng trong vườn, tạo một thoáng cảnh thiên nhiên. Chúng ta có dịp cùng theo ngòi bút của chị đi vào hội chợ Tết tổ chức tại Virginia, vào buổi sáng tinh mơ trong khu vườn chùa Thiên Lâm, vào cuộc du ngoạn của Tường và Minh Châu bên Thác Nước Lớn ở ngoại ô thành phố Saint Ptersburg, vào đêm sinh nhật của Trâm bên quê nhà, vào buổi chiều hôm mà Nguyễn Việt chèo thuyền ngoạn cảnh rồi đọc bài *Le Lac* của Lamartine để tưởng nhớ Đan Thanh... Buổi bình minh tươi mát, buổi chiều hôm huyền ảo bắt sang cảnh đêm sáng trăng mơ, cảnh sinh nhật có tổ chức chương trình văn nghệ dưới ánh trăng mộng mị trong một góc nhỏ tư gia thành phố Sài Gòn... đúng là chất liệu dành riêng biệt cho văn

chương. Ngay cả cơn ác mộng của Minh Châu tại Mát-xcơ-va, cuộc lật đổ chủ nghĩa Cộng sản xảy ra tại Nhà Trắng ở Moskva (theo lời kể của Minh Châu), cuộc vượt thoát của Minh Châu ra khỏi nước Nga do sự giúp đỡ của Tường, cảnh Thường Nga che mắt công an, báo động cho các nhà Dân Chủ trong nước để họ kịp trốn tránh v. v... đều là những cảnh sống thực lẫn sống động dễ dàng đi vào văn chương một cái rột, không gặp một chương ngại nào.

\*

Quyển trường giang tiểu thuyết *Chuyển Mùa* lấy từng chặng lịch sử cận đại và hiện đại làm bối cảnh, nêu ra những vấn đề như chiến tranh, hòa bình, tự do, ý thức hệ, đạo pháp, lịch sử cuộc di tản hay cuộc vượt biên tìm tự do, các diễn biến thời cuộc, sinh hoạt các kiều bào ở hải ngoại ... Đây là những vấn đề lớn lao, những chất liệu tuy không quá xa lạ đối với hầu hết các cây bút phụ nữ, nhưng họ không muốn dùng đến để xây dựng nên tác phẩm cho mình. Rất có thể, một số lượng không nhỏ độc giả cho rằng tác giả trình làng một tác phẩm văn chương nghiêng về chính trị và thời cuộc hơi nhiều. Chính trị trong *Chuyển Mùa* là guồng máy chính điều khiển và làm chuyển vận mọi guồng máy xã hội trong tác phẩm. Nhưng mà xét cho cùng, vào thời buổi cận đại lẫn hiện đại, các đảng phái đua nhau giành giật chia ghế trong thượng nghị viện, trong quốc hội, trong mọi cơ cấu hành chánh, lại thêm các chủ nghĩa xâu xé nhau để đặt cơ sở kinh tế hay quyền thống trị trên các xứ sở, quốc gia khác. Như thế thì chuyện chính trị không còn là loại xa xỉ phẩm để bao kẻ dùng làm đáng trí thức hay làm thứ giải trí trong buổi trà dư tửu hậu nữa. Nó chi phối cuộc sống chúng ta, quyết định vận mệnh tổ quốc và quyết định hạnh phúc dân chúng ở mọi tầng

lớp cơ sở trong đó có chúng ta, thì làm sao chúng ta lại có thể tránh hoặc muốn tránh?

Cũng sẽ có người than vãn rằng trong các cuộc trình bày về tình hình thời cuộc hay trong cuộc tranh luận về chủ nghĩa Quốc Cộng, tác giả dùng đối thoại hơi nhiều. Nhưng nếu ai đọc các tác phẩm của văn hào Dostoievski như *Les Possédés* » (*Những Người Bị Quỷ Ám*), *L'Idiot* (*Chàng Ngốc*), *Crime et Châtiment* (*Tội Ác và Trừng Phạt*) sẽ đối ngược với những cuộc tranh luận tràng giang đại hải về ý nghĩa trong *Phúc Âm*, về gốc rễ và hiện tượng của tội ác và thiên lương, cái bí ẩn tâm linh trong từng cuộc sống... Và tôi xin nhấn mạnh: *Chuyển Mùa* không phải là quyển sách để giải trí mà là cuốn sách để chúng ta suy ngẫm. Chính những lời đối thoại trong các cuộc bàn cãi tranh luận ấy sẽ mở cho chúng nhiều cánh cửa, mà mỗi khung cửa cho chúng ta bắt gặp một chân trời. Bề ngoài chúng ta thấy tác giả quyển *Chuyển Mùa* viết văn bằng khối óc hơn là bằng con tim. Nhưng đọc kỹ, chúng ta nhận ngay chị dùng khối óc để vun quén mảnh đất tình người, khơi mở mạch suối yêu thương, thấp sáng tinh thần xả kỷ. Chị vẫn là cây bút đặt tình thương yêu trên mọi điều trong cuộc bút trình của chị như tự xưa giờ. Một tác phẩm lớn là phải nói lên các vấn đề lớn. Chưa đủ. Nó còn phải đòi hỏi tác giả có cái nhìn luyện đạt và đặc thù với mọi vấn đề mà đương sự nêu ra, phải có nghệ thuật diễn tả làm rung cảm tấm lòng người đọc, thuyết phục được họ chia sẻ tâm sự, nhân sinh quan và chính kiến của mình. Như thế *Chuyển Mùa* là một tác phẩm lớn. Nó hội đủ điều kiện mà bút giả vừa nêu ra. Dù nó đi sau bộ *Khu Rừng Lau* của Đoàn Quốc Sĩ trên 40 năm, nhưng cái giai đoạn lịch sử trong *Chuyển Mùa* khác hơn giai đoạn lịch sử trong *Khu Rừng Lau*. Cơn trốt kinh thiên động địa của lịch sử đã hất văng một con số đồng bào khổng lồ



của chúng ta từ bỏ quê hương để ra hải ngoại. Ngòi bút của chị Trương Anh Thụy cũng theo họ để phơi bày cái xã hội phồn tạp mà họ đang sống, nói lên những hành trạng, khuynh hướng, hoài bão của họ. Do đó cái địa bàn hoạt động của ngòi bút Trương Anh Thụy rộng lớn hơn. Nói thế, tôi không cho rằng tác phẩm Trương nữ sĩ trội hơn tác phẩm của Doãn văn gia. Bởi sao? Các giai đoạn lịch sử trên đất nước quê hương từ đầu mùa khói lửa 1945 cho tới gần ngày chung cuộc miền Nam được họ Doãn đưa vào *Khu Rừng Lau* cũng phong phú chất liệu, cũng tinh tế ý tình không kém. Nhất là cái nhìn của ông xoáy sâu vào mọi biến cố không phải chỉ để biến *Khu Rừng Lau* thành một thiên anh hùng ca dân tộc mà song song đó còn thấp sáng một quá khứ máu xương với những tình tiết éo le phiến toái trên dòng lịch sử của chúng ta. Đem tâm tình viết lịch sử, ông Doãn và chị Trương biểu dương một thần trí sáng tạo mãnh liệt, một lưu lượng cảm hứng lai láng mênh mông. Do đó, hai tác phẩm trường giang *Khu Rừng Lau* và *Chuyển Mùa* không khô khan như sa mạc. Chúng là hai mảnh nhuần thổ phì nhiêu để cho ngũ cốc lành mạnh sinh sôi dồi dào, để cho hoa đẹp cỏ thơm, rau ngon trái ngọt sản sinh ê hề phong phú.

Khi sáng tác một tác phẩm văn chương nào, nhà văn thường ôm một hoài bão hay một giấc mơ nào đó. Riêng giấc mơ của chị Trương Anh Thụy là phó thác cho các thế hệ trẻ đứng lên để hoàn thành trách nhiệm của kẻ đi trước đang bỏ dở dang. Theo chị, đất nước chúng ta chỉ trông cậy vào tuổi trẻ đang tiến lên ở trong hay ở ngoài như Nguyên Việt, Tường, Vinh, Bình, Thường Nga, Minh Châu, Trâm... Họ sẽ nối tiếp cái thế hệ đứng tuổi để hoàn thành công việc của kẻ yêu nước, của kẻ quý trọng tự do và gìn giữ thiên lương một khi thế hệ của cha chú họ lần lượt tàn tạ đi. □

## TIỂU SỬ TRƯỞNG ANH THỤY

Trưởng Anh Thụy sinh tại Hà Nội, di cư vào Nam năm 54, du học tại Hoa Kỳ năm 1961, Trưởng Anh Thụy hiện sống với chồng và con tại Virginia, Hoa Kỳ. Có một thời gian dài tại đây bà và chồng, con được sống chung với thân phụ là họa gia thủy mặc Tá Chi Trương Cam Khải và thân mẫu là nữ sĩ Kim Y Phạm Lệ Oanh, cả hai cụ đã khuất núi cách đây không lâu.

Được huấn luyện trong ngành sư phạm, bà đã theo đuổi ngành này cho tới ngày về hưu. Bên cạnh đó, bà được biết như một người đã có nhiều đóng góp, từ trước cả 1975, vào những công tác từ thiện, xã hội của cộng đồng Việt Nam hải ngoại. Bà từng là một trong những sáng lập viên của các Hội từ thiện như Vietnam Refugee Fund, Inc.; chi nhánh Washington DC. của Ủy Ban Báo Ngụy Giúp Người Vượt Biển (Boat People S.O.S. Committee - trụ sở chính ở San Diego, California,) cũng như Ủy Ban Cứu Người Vượt Biển (B.P. S.O.S.) hiện nay.

Sinh trưởng trong một gia đình quý trọng văn học, nghệ thuật, tác giả không những thích làm thơ, viết văn, mà còn có tham vọng đóng góp vào ngành xuất bản. Thành lập nhà xuất bản Cành Nam năm 1984. Cùng với Hội Văn Hóa VN tại Bắc Mỹ thành lập Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ. Tác phẩm đã in: thơ *Cửa Mưa Giũ Nắng*(1984). *Trường Ca Lời Mẹ Ru*, kèm theo bản dịch tiếng Anh của dịch giả Nguyễn Ngọc Bích, và 30 bức minh họa của họa sĩ Võ Đình (1989.) *Trạm Nghỉ Chân* (1993,) tập I trong bộ truyện *Chuyển Mùa*. Tập truyện *Ánh Mắt* (1998.) Bộ truyện *Chuyển Mùa* (2004,) đoạt giải thưởng văn học của Hội Quốc Tế Y Sĩ Việt Nam Tự Do.

Cộng tác với nhiều báo chí tại hải ngoại, và đã từng giữ chức phó chủ tịch Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, nhiệm kỳ 1991-1993.